



LUÂN XA

Và Các

Trường Năng Lượng của Con người

Shafica Karagulla, M.D.

và

Dora van Gelder Kunz

A Quest Original. First Edition 1989

* * *

Người dịch:

Mai Oanh và Quỳnh Anh

<https://www.minhtrietmoi.org>

2018

Mục Lục

Mục Lục	3
Lời nói đầu.....	5
Lời cảm ơn.....	7
Giới thiệu	8
1. Một cái nhìn mới về Bản chất con người.....	13
I. Bình Minh của Một Tâm thức mới	13
II. Phá vỡ Rào cản của các Giác quan	15
2. Các Trường và các Luân xa	20
III. Ba Trường Năng Lượng của Phàm Ngã.....	20
IV. Kết cấu và Chức năng của thể Dĩ Thái	22
V. Vai trò của Luân Xa	24
Luân xa đỉnh đầu	28
Luân xa Trán	29
Luân xa Cuống họng	29
Luân xa tim	30
Luân xa Tùng thái dương	30
Luân xa Lá lách	31
Luân xa Xương cùng.....	31
Luân Xa Gốc.....	32
Các luân xa phụ.....	32
Hệ Luân Xa.....	32
VI. Thể Cảm dục và các Xúc cảm	33
Các Luân Xa Cảm dục	37
Luân xa Đỉnh đầu	38
Luân xa Cuống họng	38
Luân xa Tim.....	38
Luân xa Tùng Thái dương	38
Luân xa Gốc (Gốc cột sống).....	39

Cột sống và Não bộ Cảm dục.....	39
VII. Các cấp độ cao hơn của Tâm thức.....	40
Tác dụng của sự hình dung.....	42
Các luân xa Thể Trí.....	44
Thể Nguyên Nhân.....	44
3. Nhãn thông như một công cụ chuẩn đoán.....	46
VIII. Cơ sở của Nghiên cứu bằng nhãn thông.....	46
IX. Việc sử dụng thông nhãn trong nghiên cứu.....	52
Những cơ chế của nhận thức bằng nhãn thông.....	54

LỜI NÓI ĐẦU

DORA VAN GELDER KUNZ

Sự hợp tác giữa tôi và bác sĩ Shafica Karagulla bắt đầu tại New York không lâu sau lần đầu chúng tôi gặp nhau vào những năm 1950s, và hầu hết những lần nghiên cứu bằng nhãn thông chúng tôi cùng thực hiện diễn ra trong vòng một thập niên sau đó, mặc dù công việc này có nhiều lúc gián đoạn sau khi Shafica chuyển tới California vào những năm 1960s. Bác sĩ Karagulla chủ yếu quan tâm đến việc nghiên cứu sự liên quan giữa tiến trình bệnh tật và các luân xa, và do vậy hầu hết các trường hợp nghiên cứu của chúng tôi đều theo xu hướng này.

Trong suốt hơn hai mươi năm qua chúng tôi làm việc cùng nhau, mối quan tâm chính của tôi là việc trị liệu, và mọi nỗ lực của tôi đều dành cho việc giúp đỡ những người bị bệnh nặng, phải chịu nhiều đau đớn. Sự thay đổi này trong trọng tâm công việc của tôi diễn ra từ từ mặc dù nó nhận được sự thúc đẩy lớn lao từ việc phát triển một phương pháp chữa bệnh gọi là “Đặt tay chữa lành” mà Dolores Krieger và tôi là những người khởi xướng, và phương pháp này đã được dạy cho hàng ngàn y tá.

Trong những năm tiếp theo, tôi đã chứng kiến hàng trăm bệnh nhân phải chịu đựng rất nhiều loại bệnh tật. Vì vậy, bản thân tôi đã học hỏi được khá nhiều về quá trình bệnh tật, nhiều hơn những gì tôi từng hiểu biết tại thời điểm làm công tác nghiên cứu cùng Bác sĩ Karagulla. Thực ra, chúng tôi chưa bao giờ hợp tác trên khía cạnh trị liệu trong các nghiên cứu của mình.

Tôi gặp Tiến sĩ Viola Pettit Neal, người vừa là người thầy và cũng là bạn thân nhất của Shafica Karagulla, nhưng bà không thực sự tham gia vào công việc mà chúng tôi làm tại New York. Sau này, khi chúng tôi cùng sống tại bang California, tôi mới biết đến bà nhiều hơn và trân trọng sự cống hiến sâu sắc của bà cho các nguyên lý tinh thần. Bà rất quan tâm đến dự án về cuốn sách này và đã đóng góp những phác thảo về ý tưởng cơ bản cho ba chương đầu.

Trong những chuyến tôi tới thăm California, Bác sĩ Karagulla nói với tôi về khả năng sắp xếp các tài liệu từ những gì chúng tôi đã nghiên cứu và viết ra nhằm xuất bản thành sách. Cho đến trước khi qua đời, Tiến sĩ Neal đã tham gia vào nhiều cuộc thảo luận như thế này. Cả ba luôn đồng ý rằng tôi sẽ là người xem lại bản thảo và sửa đổi bất cứ chi tiết nào cần thiết. Bác sĩ Karagulla cập nhật cho tôi tiến độ công việc của bà và gọi điện cho tôi thảo luận về nó chỉ một tuần trước khi bà qua đời một cách đột ngột và không mong đợi. Đây là một cú sốc lớn với tất cả chúng tôi.

Một vài tuần sau tai nạn chết người của bà, các tài liệu để viết cuốn sách được chuyển đến tay tôi, vì gia đình bà đồng ý rằng những tài liệu đó nên được trao lại cho tôi với toàn quyền sở hữu và sử dụng cho mục đích xuất bản cuốn sách. Tôi đã nghĩ là bản thảo gần như hoàn thành, nhưng ngạc nhiên khi thấy có nhiều chương mới chỉ là các ghi chú. Tôi quyết định cần làm nhiều việc hơn nữa trước khi đưa cuốn sách xuất bản, và do vậy tôi nhờ một người bạn tên là Emily Sellon, một người biên tập chuyên nghiệp thực hiện công việc này. Do vậy, bản thảo gốc của Bác sĩ

Karagulla và Neal cần được chỉnh sửa rất nhiều và tôi sẽ đảm nhiệm công việc này. Ngay cả tiêu đề cuốn sách cũng đã được sửa đổi mặc dù điều này đã được nhất trí trước khi Bác sĩ Karagulla qua đời.

Với những hoàn cảnh khó khăn trên, cần hiểu rằng cuốn sách là một sự pha trộn các quan điểm và các đóng góp của nhiều người. Để có được sự thống nhất, các quan điểm và các đóng góp khác nhau đã được bà Sellon hoà trộn và hình thành nên phiên bản cuối cùng..

Shafica Karagulla là một người bạn đáng mến và một cá nhân hiếm có khi kết hợp chuyên môn y học và khoa học với một tư tưởng hoàn toàn phóng khoáng và nhiệt tâm háo hức với các lĩnh vực chưa được khám phá. Trong suốt tình bạn kéo dài của chúng tôi, tâm huyết của bà dành cho các khả năng có thể được tìm thấy từ các tìm hiểu của chúng tôi chưa bao giờ giảm sút. Cuốn sách này không thể hoàn thành nếu không có mối nhiệt tâm sâu sắc và bền vững của bà và nỗ lực của chúng tôi để cuốn sách được dễ đọc, dễ hiểu là một sự tưởng nhớ đến bà.

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi gửi lời cảm ơn sâu sắc đến những người đã đóng góp tài chính cho việc nghiên cứu mà từ nhờ cuốn sách được viết nên: Quỹ Eliot D. Pratt đã trợ cấp ba năm đầu tiên, mà nếu không có thì các nghiên cứu trên sẽ không thể bắt đầu; Trudy Pratt và người chồng về sau của bà là Eliot, cho tinh thần tiên phong trong việc ủng hộ dự án. Xin gửi lời cảm ơn tới tất cả những người đã đóng góp vào quỹ Eliot D. Pratt Foundation để hỗ trợ việc nghiên cứu tri giác siêu đẳng: Rebekah Harkness và quỹ Harkness; Quỹ Lester Finkelstein Foundation, và Irene và Lester Finkelstein về sau.

Xin gửi lời cảm ơn đến những người đã hỗ trợ Quỹ nghiên cứu tri giác siêu đẳng: Quỹ Boston, Annabelle Markson và Yoland Markson sau này; Lynn Charleson cho sự ủng hộ tiếp tục của ông; Ton và Gayle den Dass; Quỹ Midway; và quỹ John E. Fetzer.

Xin gửi lời cảm ơn đến những người đã công hiến thời gian miễn phí cho nghiên cứu về năng lực tự nhiên về tri giác cao của họ, đặc biệt là Frances Farrelly, khiếu hài hước và lương tri của ông đã thắp sáng công việc của những lần thí nghiệm lặp đi lặp lại.

Xin gửi lời cảm ơn đến Eloise Doerfler, người đã công hiến thời gian không công cho năm năm ghi lại dữ liệu và đảm bảo sự chính xác một cách đầy tin tưởng; không có sự kiên nhẫn và hỗ trợ của bà thì điều này trở thành nhiệm vụ không thể thực hiện.

Xin gửi lời cảm ơn đến các thư ký ghi lại dữ liệu, một nhiệm vụ kéo dài nhiều năm: Evelyn Petersen, Helen English, và Maxine Friend.

Xin gửi lời cảm ơn đến Irene Bagge đã đọc bản thảo và đưa ra những gợi ý hữu ích.

Xin gửi lời cảm ơn đến Nhà xuất bản Thông Thiên Học đã cho phép sử dụng các hình ảnh và màu sắc từ cuốn *Các Luân Xa* của C.W. Leadbeater.

Cuối cùng, xin gửi lời cảm ơn tới hai người thân của Shafica Karagulla, Basim Azzam và Fahmi Karagulla, vì những hỗ trợ tài chính rộng rãi giúp việc tổ chức nghiên cứu trở nên khả thi và đảm bảo nhu cầu cá nhân được đáp ứng, nhờ đó mà bà được tự do công hiến thời gian của mình cho việc biên soạn và viết lên lịch sử mỗi trường hợp nghiên cứu.

GIỚI THIỆU

SHAFICA KARAGULLA

Lời thì thầm kéo dài, nhắc lại ngày và đêm:
Có điều ẩn dấu. Hãy đi và tìm.
Đi và tìm phía sau những điều Nhìn thấy.
Những thứ mất dấu phía sau những điều Nhìn thấy.
Mất tích và chờ đợi bạn tới.

Rudyard Kipling, người Khám Phá

Hơn năm mươi năm trước, người thầy, người bạn, người đồng nghiệp và cộng tác trong nghiên cứu của tôi, Viola Pettitt Neal đã viết bài thơ trên trong quyển kỷ yếu thời cấp ba của tôi và những dòng này vẫn vang vọng trong thời gian hết lần này qua lần khác. Nhưng điều ẩn dấu mà tôi cần tìm là cái gì?

Là một bác sĩ điều trị, tôi bị thu hút vào sự hoạt động của tâm trí con người, về sự nhận thức của con người với vô vàn hình thái biểu lộ. Là một nhà tâm thần học về hệ thần kinh, tôi đã nghiên cứu những biểu hiện bất thường dưới các hình thức như ảo ảnh, ảo tưởng, ảo giác và việc mất ý thức về hành vi mà những điều này bao gồm nhiều hình thức bệnh tật trong não bộ gây ra viêm não, teo não hay ung thư.

Nghiên cứu của Bác sĩ Wilder Penfield về sự kích thích điện não ở những bệnh nhân động kinh có ý thức cho tôi một loạt hiểu biết khác. Tất cả những điều này là sự mở đầu cho nghiên cứu về những cấp độ cao hơn của sự nhận thức nằm trong khả năng tâm trí của con người. Việc tìm ra những cá nhân đã vượt qua rào cản của năm giác quan là thử thách tiếp theo khiến tôi phải “đi và tìm ở phía sau những hiện tồn.”

Làm thế nào để xác minh những khả năng tri giác cao hơn ở những người nói rằng họ sở hữu những khả năng đó? Công cuộc tìm kiếm nhằm phát hiện ra những gì “ẩn dấu” đưa tôi đến với bà Kunz và những con người tài năng khác, những người đã giúp tôi hiểu phần nào những bí ẩn của con người. Nghiên cứu mà cuốn sách này dựa vào ban đầu bắt nguồn từ một nỗ lực chỉ ra thông tin có được nhờ khả năng tri giác cao có nền tảng có thể xác minh được và có nghĩa. Sau này, tôi bắt đầu thoáng thấy được nguyên nhân thật sự của các bệnh tật mà đã góp phần kích thích những sự bất hoà về tâm thần và vật lý và khám phá ra những cách làm tan đi đau đớn và khôi phục sức khoẻ.

Từ những người có thông nhãn, chúng tôi biết rằng một phạm ngã bao gồm ba loại trường năng lượng—thể dĩ thái hay sinh lực, thể cảm dục hay thể tình cảm, và thể trí—các thể này bao quanh và thâm vào từng tế bào của thể xác vật lý. Sự tương tác giữa các trường này có thể giống như cái

mà nhạc sĩ gọi là hợp âm chính, được tạo nên từ ba tần số. Những nốt này kết hợp với bốn note khác hình thành nên một bát độ gồm bảy tần số. Một số người tin rằng mỗi con người phát ra một khuôn mẫu âm điệu độc nhất được tạo nên bởi các trường năng lượng của mỗi cá nhân đang trong sự hoà âm. Cung điệu này đôi khi được biết đến như là nốt (cung điệu) của phạm ngã. Một cung điệu hoàn hảo chỉ sự khoẻ mạnh, trong khi những xung đột giữa các trường năng lượng và trung tâm lực chính chỉ bệnh tật. Những vấn đề này sẽ được thảo luận trong những chương tiếp theo.

Cuốn sách này là một nỗ lực nhằm kết hợp y học với việc tìm hiểu những khía cạnh vô hình và năng lượng của phạm ngã con người, nhằm chỉ ra sự phụ thuộc chặt chẽ và phức tạp giữa chúng.

Mỗi cá nhân tham gia đóng góp vào việc chuẩn bị tài liệu cho cuốn sách đều có lĩnh vực chuyên môn riêng của mình. Tiến sĩ Neal chịu trách nhiệm gợi ý những ý tưởng thảo luận về cấu tạo của con người, chủ yếu dựa trên các khái niệm minh triết và huyền môn; Bà Kunz chịu trách nhiệm quan sát bằng nhãn thông; Bản thân tôi chịu trách nhiệm chọn lọc và liên kết các dữ liệu được đưa ra và phân tích về mặt y học.

Tiến sĩ Viola Pettitt Neal nghiên cứu vật lý, hoá học và tâm lý học thời đại học và có bằng PhD về triết học ở đại học London, trọng tâm nghiên cứu của bà là những tôn giáo bí mật ở Trung Đông. Sau đó, bà dạy môn mà được gọi một cách chung nhất là “Triết học ngàn đời” trong suốt hơn 35 năm, tại các trường đại học trụ sở tại California hay cho các cá nhân. Bà hợp tác với tôi khi viết cuốn sách “Đột phá trong sáng tạo” mặc dù tên của bà không xuất hiện trên trang bìa. Vào năm 1978 bà xuất bản cuốn sách về các bài thơ của mình có tên là “Những mảnh kinh nghiệm: một hành trình tinh thần” và trong cuốn “Xuyên qua tấm rèm” (Neal và Karagulla, 1983) bà kiểm nghiệm khả năng nhận thức một số chiều kích của hiện thực và các giai đoạn của tâm thức. 2

Dora van Gelder Kunz sinh ra với khả năng nhãn thông đặc biệt trong một gia đình có mẹ và bà ngoại cũng có khả năng bẩm sinh này. Thời thơ ấu, năng lực khác thường của bà được phát triển nhờ làm việc với nhà nhãn thông người Anh, Charles W, Leadbeater, tác giả những nghiên cứu nổi tiếng như “Luân xa” và “Con người hữu hình và vô hình”. Khả năng nhận biết và nghiên cứu các tinh linh, thiên thần và các thực thể tự nhiên khác một cách chi tiết của bà đã cho ra thành quả ở hai tác phẩm chuyên khảo về thế giới thiên thần có tiêu đề “Lễ Giáng Sinh của Thiên Thần” và “Thế giới thực của thần tiên”, cuốn sách cho chúng ta một bức tranh không theo lối mòn và dịu dàng về thế giới của các thực thể tinh thần tự nhiên. Những tinh thần này là một phần của mỗi truyền thống văn hoá.

Bà Kunz là nhân vật có khả năng nhạy cảm được gọi là “Diana” và DVG” trong cuốn sách “*Bước đột phá đến sự sáng tạo*” của tôi. Bà được phú cho năng lực nhận biết không chỉ trường năng lượng dĩ thái hay sinh lực và các trung tâm lực chính (luân xa) mà còn cả trường năng lượng thể cảm dục (tình cảm) và trí tuệ với những trung tâm lực tương ứng của chúng. Năng lực tự nhiên này đã được phát triển tới mức độ chính xác nhờ nỗ lực kiên trì của bà trong việc quan sát cẩn thận và chi tiết, khả năng phân tích đã được huấn luyện, và mối liên quan đến lịch sử y tế của từng trường hợp. Bà đã làm việc với các bác sĩ điều trị khác trong việc chẩn đoán những trường hợp y

học khó khăn và không rõ rệt, và những năm gần đây đã chuyên tâm vào việc giảng dạy và thực hành phương pháp trị liệu được biết tới với tên gọi “Cảm ứng điều trị”. Phương pháp này được bà phát triển cùng với cộng sự của mình là tiến sĩ Dolores Krieger.

Từ năm 1975 đến 1987, bà Kunz là Hội Trưởng hội Thông Thiên học Hoa kỳ và là chủ biên tạp chí “Người thông thiên học Mỹ” của hội; kể từ khi rời vị trí này, bà đã cống hiến hầu hết thời gian của mình cho công việc trị liệu. Bởi vì khả năng nhận biết cả nguyên nhân bệnh tật và lẫn khả năng thành công của tiến trình trị liệu, bà làm tăng thêm giá trị cho sự hiểu biết của chúng ta về cơ chế vận hành của sức khỏe và bệnh tật.

Bản thân tôi là một bác sĩ, chuyên môn của tôi là thần kinh-tâm thần học. Sau khi được đào tạo về tâm thần học tại đại học Edinburgh dưới thời Ngài David K. Henderson, nghiên cứu tiếp theo của tôi đòi hỏi một sự tìm hiểu mở rộng về lịch sử các trường hợp tâm trí có liên quan đến các loại ảo giác, như là nghe thấy giọng nói, nhìn thấy hình ảnh và trải qua những cảm giác bất thường. Trong một số trường hợp, những hiện tượng này chắc chắn có liên quan đến tổn thương não bộ, như là khuyết tật chung ở người mất trí, bệnh Alzheimer hay những trạng thái độc hại giống như nhiễm độc Brom.

Trong khi đó, công trình nghiên cứu của Tiến sĩ Wilder Penfield ở Viện thần kinh học Montreal tại Canada đã thu hút sự chú ý của tôi. Cuốn sách của ông, *Vỏ Não của Con Người*, mô tả quá trình gây ảo giác và những kinh nghiệm bất thường ở những bệnh nhân động kinh đã trải qua phẫu thuật não ở trạng thái hoàn toàn có ý thức. Bị thu hút bởi công trình nghiên cứu của ông nhằm vạch ra các chức năng khác nhau trên vỏ não, tôi đã đến Canada và may mắn có cơ hội được làm việc chung với Tiến sĩ Penfield trong hơn ba năm rưỡi. Một vài trong số những nghiên cứu tôi đã thực hiện hồi đó được đăng trong một bài báo trên tạp chí y khoa Anh Quốc vào năm 1955, có tựa đề “Hiện tượng tâm linh trong bệnh động kinh thùy thái dương và những bệnh nhân tâm thần” (Karagulla và Robertson). Trong đó, chúng tôi chỉ ra sự tương đồng trong những kinh nghiệm ảo giác giữa hiện tượng tâm linh trong bệnh động kinh thùy thái dương và bệnh tâm thần phân liệt.

Không lâu sau đó, tôi được mời tới Mỹ để tiếp tục nghiên cứu của mình về bệnh tâm thần phân liệt, và được chỉ định làm giáo sư dự khuyết ngành tâm thần học tại Đại học New York. Vẫn đang trong quá trình tìm kiếm một giải pháp cho các loại các nhau của ảo giác ở các bệnh nhân tâm thần, tôi được thử thách bằng việc đọc một số quyển sách không chính thống về tâm trí con người và những tiềm năng của nó, những điều mà việc đào tạo ngành tâm thần thần kinh học của tôi đã không giảng dạy.

Như thế, trước khi mạo hiểm vào lĩnh vực mới, tôi đã trải qua hơn 12 năm nghiên cứu tâm trí con người, cả người bình thường và người mất trí, và việc được đào tạo về tâm thần-thần kinh học của tôi thuần túy là một thể loại khoa học và học thuật thông thường. Tuy nhiên, những đam mê của tôi lại ít chính thống hơn. Mọi tư liệu tôi đọc lúc bấy giờ dường như gợi ý đến một cái nhìn phức tạp hơn về bản chất con người, vượt quá những giới hạn của não bộ vật lý và năm giác quan vật lý, và thách thức những khái niệm y khoa truyền thống.

Cho nên tôi bắt đầu tìm tòi khám phá cho chính bản thân mình. Một phần nghiên cứu tôi thực hiện thời đó trong lĩnh vực kỳ bí được xuất bản năm 1967 trong cuốn “*Sự đột phá tới Sáng tạo*”, trong đó trình bày các bằng chứng được ghi lại về những quãng cao hơn của tri giác của chúng ta. Điều cần thiết, như tôi nhận thấy, là khám phá và phân tích những cơ chế quản lý những chiều đo nhận thức cao hơn. Chúng hiện lên như thế nào và chức năng vận hành của chúng ra sao? Không có gì là “siêu nhiên” trong vũ trụ này; bất cứ hiện tượng nào xuất lộ với chúng ta đều là kết quả của sự thiếu hiểu biết của ta về các luật cai quản chúng.

Việc xuất bản cuốn sách này khơi ra nhiều lá thư đến từ các bác sĩ trị liệu, các nhà khoa học và những người có kinh nghiệm tương tự, và điều này đưa tôi đến việc nghiên cứu sâu rộng hơn với sự giúp đỡ từ những cá nhân có khả năng thiên bẩm như bà Kunz. Kết quả là tôi bắt đầu hiểu ra, ít nhất là một phần, về cơ chế hoạt động của những năng lực này.

Nghiên cứu này và những nghiên cứu khác chỉ ra một cách đầy nghĩa lý một sự thật là ngoài từ trường và điện trường bao quanh các sự kiện vật lý còn có những loại năng lượng và tần số khác mà hiện nay chưa thể tìm thấy bằng bất kì thiết bị dụng cụ nào đã được phát triển cho đến nay. Vì lý do này, những người có khả năng thiên bẩm là “công cụ” duy nhất có thể sử dụng hiện nay cho công việc nghiên cứu liên quan đến tri giác nhân thông với những chuẩn đoán y khoa. Trong trường hợp của bà Kunz, tôi yêu cầu càng nhiều chi tiết càng tốt trong các lần quan sát của bà.

Trong công việc làm cùng nhau, tôi phục vụ như một nhà nghiên cứu và bà ấy là người quan sát. Phương pháp của chúng tôi bắt đầu bằng việc giới thiệu tới bà những người khoẻ mạnh và bình thường, để tôi có thể biết được cái bà nhìn thấy là cái gì và như thế nào. Sau một năm, tôi đã có thể phát triển một sơ đồ cho các tính chất khác nhau cần được tìm kiếm khi nghiên cứu tình trạng sức khoẻ hay bệnh tật; sau đó chúng tôi theo sát những hướng dẫn một cách thống nhất trong mọi trường hợp.

Chúng tôi nghiên cứu trước tiên những đặc tính chung của thể sinh lực hay thể dĩ thái, mối quan hệ của nó với những chót xoáy năng lượng hay luân xa, nằm trong trường năng lượng, hiệu ứng của những năng lượng này lên tuyến nội tiết, và cách chúng có liên quan đến các trung tâm lực khác. Sau này, ở mức độ nào đó, chúng tôi quan sát trường năng lượng cảm dục và thể trí với các xoáy năng lượng tương ứng, nhưng cần có thêm nghiên cứu cho những khía cạnh trên của phức hợp con người.

Bệnh xá điều trị ngoại trú cho các bệnh về nội tiết, một trong những trung tâm y khoa có uy tín nhất của New York là một nguồn dữ liệu y tế chính của chúng tôi. Bà Kunz chưa bao giờ nói chuyện với bất kỳ bệnh nhân nào. Bà chỉ nhìn họ từ một khoảng cách một vài mét trong khi bà đang ngồi phía sau lưng bệnh nhân ở phòng chờ.

Điều đáng lưu ý là bà Kunz đã quen với việc nhìn thấy những người khoẻ mạnh ở thể vật lý hay những người bị phiền toái trong thể tinh cảm; ở đây là lần đầu tiên bà quan sát có hệ thống trường năng lượng dĩ thái và các luân xa trong những bệnh nhân bị bệnh năng, một vài trong số họ đã cắt bỏ vài bộ phận trong cơ thể hay các tuyến nội tiết. Chúng tôi nhận thấy rằng những bất

thường quan sát được trong luân xa dĩ thái chính là một dấu hiệu chỉ ra xu hướng phát triển một căn bệnh, và khu vực mà trong đó sự bất thường xảy ra có thể được dự đoán có khi đến hàng năm trước khi những hiện tượng này bắt đầu biểu lộ.

Khi các nghiên cứu của chúng tôi tiến triển, chúng tôi biết thêm là có những thứ có vẻ như bắt nguồn từ một chiều đo, ví dụ như ở cấp độ dĩ thái, có thể thực sự phát sinh từ một cấp độ cao hơn như là thể cảm dục hay thể trí. Những bất thường và khối u ở tuyến giáp có vẻ như xuất phát từ luân xa dĩ thái cổ họng, nhưng một quan sát sâu hơn có thể chỉ ra rằng nguyên nhân nằm ở thể tình cảm, giống như những bệnh tật ở thể vật lý xuất phát từ thể dĩ thái.

Chúng tôi sẽ đưa ra lịch sử từng trường hợp để minh hoạ điểm này, và để chứng thực lý thuyết của chúng tôi rằng con người là một mạng lưới phức tạp của các quá trình liên hệ phụ thuộc lẫn nhau mà được tiếp tế bằng năng lượng đến từ ba hay nhiều hơn trường năng lượng của vũ trụ, tất cả đều đóng vai trò chính yếu trong sức khoẻ và bệnh tật.

Mục đích chính của Phần Một, Hai, Ba của cuốn sách là giới thiệu bối cảnh lịch sử của nghiên cứu bằng nhãn thông, cũng như một phác thảo ngắn gọn về cấu tạo con người trong truyền thống huyền linh học. Phần Bốn trình bày nghiên cứu các khía cạnh của con người phạm ngã, nơi mà quan sát nhãn thông nhận định khoẻ mạnh là tình trạng hài hoà và bệnh tật là tình trạng xung đột, liên hệ với các bằng chứng y khoa về thể trạng vật lý của chủ thể nghiên cứu, và Phần Năm xem xét tầm quan trọng của tâm thức như một yếu tố cho sức khoẻ và bệnh tật, cũng như trong sự phát triển và thay đổi của mỗi cá nhân, với một bản ghi chú cuối cùng về những lãnh vực nào mà những nghiên cứu tương tự có thể diễn ra trong tương lai.

1. MỘT CÁI NHÌN MỚI VỀ BẢN CHẤT CON NGƯỜI

I. Bình Minh của Một Tâm thức mới

Ngày nay, những luồng gió mới đổi thay đang lướt qua thế giới của chúng ta, thổi bay đi những định kiến cũ, gây ra những xáo trộn cho sự ổn định của các định chế và sự bền bỉ của những "chân lý" lâu nay vẫn được coi là điều hiển nhiên. Có dấu hiệu rõ ràng cho thấy chúng ta đang trải qua một thời kỳ với những khám phá và thành tựu mới của loài người. Nhiều người đang kinh ngạc với tốc độ thay đổi, sợ rằng chúng ta sẽ không thể kiểm soát được những kỹ thuật và khám phá chưa từng có đang mở ra tầm hiểu biết mới mẻ về thế giới tự nhiên; một số khác sẵn sàng chào đón những thách thức. Nhưng tất cả đều nhận ra rằng hình ảnh thế giới của chúng ta sẽ thay đổi đáng kể trong những thập kỷ tới.

Chúng ta đang vượt qua các giới hạn của không gian bên ngoài và phía trên hành tinh của chúng ta, và đang khảo sát những khoảng không gian vi tế bên trong vật chất hồng trần. Trên nhiều góc độ, cả hai thành tựu này đã đưa chúng ta lên tới những tầm mức mới về không-thời gian với những dòng năng lượng cho đến nay chưa từng được biết. Sẽ là đáng ghi nhận nếu thực tế khủng khiếp về cuộc sống thế kỷ hai mươi trong đó hình ảnh khoa học truyền thống về một thế giới vật chất đậm đặc bị biến mất, thay vào đó là một vũ trụ vận hành bởi những nguồn năng lượng diệu kỳ. Trong những năm đầu tiên kể từ thành tựu phân tách nguyên tử được ghi nhận, chúng ta đã khám phá ra rằng tổ chức và hoạt động của thế giới nguyên tử là ổn định và bền bỉ, do đó tạo cho vũ trụ một dạng thức cố định, nhưng năng lượng trong thế giới này đang chuyển động với tốc độ khó tin. Sự hiểu biết mới này về vũ trụ như là một mô hình ổn định, trong đó các dòng năng lượng không lờ đi chuyển vào và ra đòi hỏi một sự thay đổi trong cách nhìn nhận thế giới của chúng ta – một khái niệm hoàn toàn khác về thực tính so với những hiểu biết được phát triển từ khoa học duy vật thế kỷ mười chín.

Cho đến nay, con người chúng ta đã theo đuổi các trò chơi chiến tranh và hòa bình với niềm tin sâu sắc rằng chúng ta có thể kiểm soát sự thay đổi và nâng cao chất lượng cuộc sống chỉ bằng cách điều khiển môi trường sống: công nghệ ứng dụng sẽ tạo ra một xã hội hoàn hảo. Nhưng chúng ta đã nhận ra một điều đáng buồn rằng dường như các yếu tố con người không thể kiểm soát được mới thực sự thống trị thế giới. Chúng ta cũng bắt đầu nhận ra rằng những khía cạnh tinh vi hơn của cuộc sống—không thể đoán trước, khó xác định, không thể đo lường—điều khiển hành vi của con người. Và giờ đây, vượt khỏi phạm vi thuần túy loài người tới toàn bộ giới tự nhiên mà chúng ta là một phần, chúng ta hiểu rằng cuộc sống là một mối quan hệ vô cùng phức tạp giữa cá nhân và môi trường, và môi trường ở đây không chỉ giới hạn ở Trái Đất mà là toàn thể vũ trụ.

Nhận thức ngày càng rõ hơn về mối tương quan của tất cả thực thể sống mang nhiều ý nghĩa. Tuy nhiên, với mục đích của mình, chúng ta chỉ tập trung vào một thực tế rằng việc trao đổi năng lượng liên tục giữa cá nhân và môi trường mà mọi hệ sinh thái (dù là của con người, động vật,

thực vật, hay ngay cả hóa học) đều vận hành theo cách tự tổ chức. Sự trao đổi năng lượng này liên tục và không thể thiếu được đối với tất cả các sinh vật sống do đó có thể được coi là một hiệu ứng trường vũ trụ. Chúng ta sẽ bàn tới vấn đề này kỹ hơn trong phần Trường và các Luân Xa. Nhưng ở đây chúng ta lưu ý rằng sự tự điều chỉnh trong tự nhiên đã đạt được từ bên trong, không phải do yếu tố bên ngoài áp đặt, và điều đó hàm ý một mức độ kiểm soát có ý thức, ngay cả khi ý thức trong bối cảnh này rất khác với những gì chúng ta trải nghiệm ở cấp độ con người. Nhà vật lý học Erich Jantsch đã viết trong cuốn *Vũ trụ Tự tổ chức*, "Nếu ý thức được định nghĩa là mức độ tự chủ mà một hệ thống, ngay cả những hệ thống đơn giản nhất, đạt được trong các mối quan hệ năng động với môi trường của nó ... thì những hệ thống như các cấu trúc phân tử hóa học cũng mang một hình thức ban đầu của ý thức" (Trang 40). Vai trò của ý thức tồn tại khắp mọi nơi ở mọi cấp độ tổ chức là một định đề quan trọng của nghiên cứu được ghi lại trong cuốn sách này.

Những hàm ý của mô hình mới này chưa được đo lường. Sự sống là gì và trở thành một sinh vật sống hoàn thiện, khỏe mạnh, có chức năng mang ý nghĩa gì, giờ đây được coi là một quá trình đa chiều, liên quan đến sự cân bằng tinh vi và năng động của nhiều hệ năng lượng và nhiều tầm mức tích hợp. Trong danh sách này, chúng ta bổ sung thêm: nhiều cấp độ tâm thức, ngay cả trong chính cơ thể vật lý, mà mỗi hệ thống "biết" chức năng của chính nó. Hơn nữa, những mức độ tồn tại tinh tế hơn này là phổ quát (ít nhất là cho đến nay xét tới trái đất), vì những năng lượng liên quan cũng là một phần của hiện hữu giống như lực hấp dẫn hoặc điện từ. Không có hạt sống nào có thể thoát khỏi quy luật này. Vì vậy, chúng ta đã vượt ra ngoài cách giải thích hoàn toàn mang tính cơ học về sự sống.

Khái niệm về từ trường được giới thiệu cho mọi học sinh trong trường học thông qua những thực nghiệm chứng minh rằng khi dòng điện đi qua một dây dẫn nó tạo ra một từ trường. Các hiện tượng vật lý khác cũng dễ dàng được chứng minh, mặc dù việc khám phá ra trường hạt nhân đòi hỏi nhiều thiết bị phức tạp hơn. Nhưng khi chúng ta thừa nhận sự sống vũ trụ hay một trường thiết yếu (như chúng ta đang thực hiện qua cuốn sách này), điều này khó có thể chứng minh một cách hữu hình, vì chưa có phương tiện khoa học nào có thể chứng minh sự hiện diện của một trường như vậy. Tuy nhiên "sự sống", dù chưa được xác định, là có thật, và thực thể sống (như những hệ thống mô) có những đặc điểm cụ thể mà các hợp chất vô cơ không có. Điều quan trọng nhất ở đây là khả năng tái tạo năng lượng (cái mà chúng ta gọi là sinh lực) mà không cần tác động từ bên ngoài, một điều không có máy móc nào có thể thực hiện.

Khái niệm trái đất được nhúng trong một loạt trường vũ trụ được mở rộng ở đây, bao gồm không chỉ năng lượng sống (mà những tác động của chúng đối với các quá trình vật lý như hệ thống miễn dịch vẫn chưa thể được đo lường,) mà còn có thể là tâm trí và cảm xúc, và chúng ta chấp nhận chúng như những yếu tố đồng hành trong cuộc sống. Tất cả các sinh vật sống thể hiện sự lựa chọn (thích và không thích) cũng như ý nguyện; Cuộc sống là một quá trình học tập, và tiến hóa ngụ ý một sự tăng trưởng trong kiến thức được tiếp thu.

Quá trình này tăng lên rất nhanh ở con người. Nhưng trong chúng ta việc tiếp nhận tri thức trở nên quan trọng hơn, vì nó liên quan đến việc sử dụng tri thức đó. Sự tự hiểu biết và giá trị năng

lực tinh thần con người đã trở nên thiết yếu cho sự sống còn của chúng ta.

Trong quan điểm mới về sự sống của loài người, nguồn lực nội tại của con người được thể hiện không chỉ trong các hệ thống vật lý của cơ thể mà còn là một quá trình tái tạo sinh khí và một nguồn năng lượng cao hơn hầu như chưa được khai thác tạo nên sự hài hòa và tích hợp tâm trí và cảm xúc với cơ thể vật lý, nhờ đó tăng cường sự sống.

Một số gợi ý là gì?

Khi con người càng ngày càng nhận thức được cơ thể là một công cụ mà bản thể sử dụng cho các mục đích của nó (dù là tốt hay xấu, xây dựng hay phá hủy), sự phát triển tự nhận thức này sẽ tạo ra những làn sóng không ngừng nghỉ, như những làn sóng đang quét qua loài người và các quốc gia ngày nay. Tự do biểu hiện là tiêu chí của cuộc sống hiện đại. Mặc dù một số kết quả của hiện tượng này mang tính tiêu cực, thậm chí phá hoại, nó báo hiệu rằng sự thức tỉnh đang khiến con người đi sâu tìm kiếm và khám phá những phạm vi kinh nghiệm rộng lớn hơn cũng như các khía cạnh phức tạp hơn trong bản chất của chính mình.

Một số khía cạnh của sự phát triển mới này—chẳng hạn như đạo đức trong lĩnh vực nghiên cứu y học và sinh hóa gần đây—đã trở thành những vấn đề gây tranh cãi; Những người khác, đặc biệt là những người khám phá các lĩnh vực năng lượng cao hơn, thường không được chấp nhận. Tất cả những điều này đầy hứa hẹn về tầm hiểu biết đang rộng mở của con người, nhưng chúng cũng tiềm ẩn một số nguy cơ. Toàn bộ các lĩnh vực khám phá mới về vũ trụ không hề có nhiều chỉ dẫn rõ ràng và các tiêu chí đáng tin. Do đó, tri thức là điều cần thiết, để chúng ta không bị lạc lối vào những niềm tin phi lý, hoặc chấp nhận các kết luận không rõ ràng trên cơ sở các bằng chứng không đầy đủ.

Theo quan điểm của chúng tôi, cần có một nghiên cứu cẩn thận về định đề rằng con người là một thực thể thông minh, có ý thức, hoạt động đồng thời trên nhiều cấp độ phức tạp—thể chất, sinh lực, cảm xúc và trí tuệ—và tương tác liên tục với các nguồn năng lượng vũ trụ của tự nhiên. Trên tất cả, có một tầm mức bản thể thực tính sâu sắc hơn, đó là linh hồn, với tất cả các phẩm tính của nó về ý định, tích hợp, sáng tạo, từ bi, cái nhìn sâu sắc và cao nhất là nhận thức tinh thần.

Học thuyết này không hề mới mẻ, vì nó là một phần của truyền thống nội môn cho vô số thế hệ, cả phương Đông và phương Tây. Cái mới là nỗ lực để ghép quan điểm bí truyền này với khối lượng khổng lồ những kiến thức đương đại, để phát triển một trường phái khoa học thực sự về bản thể. Nếu thành công, nỗ lực này có thể cung cấp cho chúng ta ý niệm, công cụ và động lực để thực hiện bước nhảy vọt trong sự hiểu biết của chúng ta về bản chất con người và phạm vi năng lực của con người.

II. Phá vỡ Rào cản của các Giác quan

Trong suốt cuộc hành trình tiến hóa lâu dài của sự sống trên hành tinh này, các dạng thức sống

đã phát triển trong những giới hạn nhỏ bé mà tự nhiên đã định ra. Giống như con sâu bướm quần trong kén của nó, kinh nghiệm của con người bị bó hẹp trong phạm vi của năm giác quan. Con người nhận thức và diễn giải các vấn đề chỉ trong phạm vi môi trường vật lý mà người ta hiểu biết, hầu như không ý thức về sự hiện diện của các chiều đo khác của thực tại quanh mình. Điều này đặc biệt đúng với con người hiện đại.

Nhưng giờ đây chúng ta nhận ra rằng thế giới được nhận biết không hề chỉ là những kinh nghiệm "bề nổi", và thực ra các giác quan của chúng ta chỉ mang lại ấn tượng cho chúng ta về những gì trí tuệ / não bộ diễn giải theo cái nhìn nội tại của chính nó. Hơn thế nữa, ranh giới hạn hẹp của thế giới được nhận thức đang sụp đổ, vì kiến thức của chúng ta ngày càng mở rộng để bao gồm thế giới lượng tử cũng như thông tin tác động tới chúng ta từ không gian bên ngoài. Khả năng mở rộng sự hiểu biết đối với các lĩnh vực chúng ta chưa từng biết tới do sự hạn chế của các giác quan đang mở ra một thế giới bao la—một thế giới không hề cách xa, giờ đây được nhìn thấy ở ngay quanh chúng ta, và thậm chí là một phần của chính chúng ta.

Khi chúng ta tìm cách khám phá thế giới nhận thức tế vi hơn, có một số câu hỏi nảy sinh. Bộ máy nhận thức thế giới ẩn giấu nằm ngoài tầm với của giác quan là gì? Chúng ta có thể phát triển năng lực và sử dụng nó một cách sáng tạo và tích cực hay không?

Ở giai đoạn này của quá trình nghiên cứu, chúng ta đang như những người mù trong câu chuyện ngụ ngôn, mỗi người cố gắng tả con voi theo nhận thức mà người đó có được chỉ về một phần cơ thể con voi. Tương tự như vậy, ở một làng trăm người, nếu chín mươi tám người bị mù màu, chúng ta hoàn toàn có thể hiểu được cư dân ở đây rất hoài nghi về những mô tả của hai người bình thường, những người đã nhận biết đầy đủ các sắc màu phong phú. Trên thực tế, họ có thể chắc chắn rằng hai người này là những người tưởng tượng hảo huyền, hoặc chỉ dựng chuyện để kể, hoặc bị ảo giác. Tuy nhiên, nếu sau một thời gian 20 phần trăm cư dân bắt đầu nhìn thấy toàn bộ các sắc màu, những người còn lại có thể bắt đầu thừa nhận khả năng việc đa sắc màu có thể tồn tại, mặc dù vượt quá nhận thức của chính họ. Câu chuyện này hoàn toàn tương tự như tình trạng hiện tại về việc nhìn nhận vấn đề ngoại cảm.

Có rất nhiều dấu hiệu cho thấy cuộc mạo hiểm to lớn tiếp theo cho nhân loại sẽ diễn ra trong lĩnh vực tâm thức, và một loạt các vấn đề chưa được khám phá đang chờ đón chúng ta. Những điều này đặt ra nhiều câu hỏi chưa hề có lời giải đáp. Ranh giới của bản ngã là gì? Bản ngã và môi trường bắt đầu và kết thúc ở đâu? Chúng ta có thể phát triển các cơ chế đáng tin cậy để khám phá những mối tương quan tinh vi này hay không?

Cũng giống như năm giác quan vật lý cho phép chúng ta tiếp cận một phạm vi nhất định của thực tại vật chất, các giác quan cao hơn cho phép chúng ta nhận thức được các yếu tố của thế giới siêu linh. Nhận thức giác quan cao hơn bao gồm thông nhãn, có nghĩa là "nhìn thấy rõ ràng", và thường mang ý nghĩa khả năng nhận thức trường sinh lực và/hoặc cảm xúc. Những nhận thức này dường như vừa rất mới vừa lạ thường (vì ít ai được trải nghiệm), do vậy các nhà khoa học và các nhà nghiên cứu ngày nay chưa bao giờ nỗ lực tìm cách khám phá và hiểu rõ cơ chế tồn tại của

những hiện tượng đó. Trong một nền văn hoá gắn liền với phương pháp khoa học, việc thiếu quan tâm tới vấn đề này dường như xuất phát từ định kiến sâu xa hay những quan niệm sai lầm.

Các nhà khoa học giữ quan điểm cho rằng việc có thể nhận thức các trạng thái của vật chất tinh vi hơn vật chất cỗi trần nằm ngoài phạm vi nghiên cứu của họ. Vì lý do này, các công trình nghiên cứu công phu của nhà tâm lý J.B. Rhine trong lĩnh vực thần giao cách cảm và thông nhãn ít tạo ra ảnh hưởng trong cộng đồng khoa học. Nhưng các nhà vật lý lượng tử đang nghiên cứu xác suất và những yếu tố không xác định được, những thứ khác xa với cái gọi là thực tế của thế giới vật lý trọng trược của chúng ta và chỉ có thể được quan sát qua các hiệu ứng của chúng. Nếu mở rộng phạm vi nghiên cứu vào các khía cạnh tinh vi hơn của thế giới, liệu chúng ta có thể thấy các chiều đo này cũng vô cùng hợp lý, cũng đáng để nghiên cứu và cũng có thể hiểu được giống như thế giới phức tạp và mơ hồ của thế giới lượng tử hay không?

Tuy nhiên, một số nghiên cứu đang tiến triển trong lĩnh vực này, sử dụng chính con người như đối tượng cảm biết, ví dụ phương pháp thực hành chữa bệnh Therapeutic Touch – chữa bệnh bằng trường năng lượng. Những người nhạy cảm có thể quan sát sự tương tác của thể sinh lực, cảm xúc và thể trí, cho rằng những tương tác này hoàn toàn không thuộc phạm vi tác động chủ quan thuần túy. Tuy nhiên, các quan sát của những người này không giống nhau về góc nhìn, phạm vi và mức độ rõ ràng. Một số người trong số đó chỉ thấy được thể dĩ thái, hay thể sinh lực; Một số khác thấy cả trường năng lượng cũng như trung tâm sinh lực (luân xa) là yếu tố then chốt trong bản thể tạo nên sự khác biệt của mỗi con người, với tư cách là một phạm ngã riêng biệt, hay một cấu phần của cả loài người. Một số người có nhãn thông nhìn thấy thể vía hay thể cảm dục, mà không thấy thể dĩ thái. Những nhà tâm linh như vậy thường không thấy được các luân xa trong trường cảm xúc trừ khi họ đã được huấn luyện để thực hiện điều này, hoặc có năng lực đặc biệt. Thể trí và các trung tâm lực của thể này chỉ được nhìn thấy bởi những người có năng lực nhãn thông đặc biệt. Cho đến nay, các bước đột phá ở các mức độ thực tính này đã gây ra không ít nghi ngại và hiểu nhầm. Kết quả là thế giới ngập trong vô số các tài liệu "tâm linh" có chất lượng và độ xác đáng rất khác nhau, tất cả đều tuyên bố cung cấp thông tin chính xác về mức độ siêu cảm của kinh nghiệm con người. Thật không may, nhiều người chán nản và thất vọng với thế giới ngày nay và sự thiếu vắng những giá trị đích thực, đã chấp nhận các vấn đề này không một chút hoài nghi. Những con người nhiệt thành đó thường lao vào những trải nghiệm cá nhân mà không quan tâm đến những rủi ro có thể gặp phải khi bước vào lĩnh vực mới chưa từng kinh qua trong khi rất thiếu hiểu biết và những chuẩn bị cần thiết trước. Giống như một đứa trẻ tập đi, hay một loài vật tập bay, để thành thạo phải được tập luyện và phát triển dần dần. Điều này đòi hỏi rất nhiều thời gian, kiên nhẫn và vô vàn nỗ lực, hơn rất nhiều những gì mà những ai đang háo hức trải nghiệm một cảm nhận mới gắng sức bỏ ra. Vì vậy, sự quan tâm đến cái gọi là thế giới tâm linh thường trở thành một nỗ lực giải thoát khỏi những giới hạn của cuộc sống hàng ngày hơn là một sự kiếm tìm nghiêm túc những kiến thức mới.

Thực tế này không làm thay đổi sự thực là nhiều người ngày nay đang thể hiện các mức độ khác nhau về ngoại cảm, bao gồm khả năng thông nhãn, thông nhĩ, tiên đoán, thần giao cách cảm, trắc tâm, cảm xạ và chữa bệnh. Có vẻ như các năng lực này đang nổi lên mạnh mẽ, và trong tương

lai có thể trở thành một phần bình thường của ý thức con người. Nếu chúng ta chấp nhận khái niệm đã đề cập ở trên, rằng tiến hóa là một quá trình thu thập kiến thức, chúng ta nhận ra rằng các hệ thống sống đang liên tục phát triển năng lực mới để đáp ứng đầy sáng tạo với môi trường của chúng. Nếu đúng như vậy, tại sao con người không bắt đầu mở rộng nhận thức của họ đến mức siêu cảm, và phát triển khả năng khám phá bao quát đa chiều về thực tại?

Yêu cầu đầu tiên cho sự phát triển nhận thức cao hơn là chấp nhận thế giới siêu cảm không được mở ra một cách “huyền diệu”, mà được điều chỉnh bởi các quy luật tự nhiên, cũng nghiêm ngặt như những quy luật điều chỉnh thế giới vật lý. Nếu biết đến chúng, chúng ta phải xác định chính xác hơn các phạm vi nhận thức siêu cảm; các nguồn năng lượng liên quan và mối quan hệ của chúng với sức khỏe và bệnh tật của cơ thể vật lý; ảnh hưởng của hành vi; vai trò của thể trí và hình tư tưởng, ý định và động cơ; và nhiều hơn thế nữa. Vì có nhiều loại nhận thức về ngoại cảm và vì mọi quan sát đều được lọc qua trí của chủ thể nhận thức, chúng ta cũng phải xác định mức độ "ảnh hưởng của người quan sát" trong nghiên cứu nhãn thông, và xây dựng một hệ thống kiểm tra và đánh giá, cũng như những thuật ngữ phổ biến. Đây chỉ là một vài trong vô số yêu cầu nếu chúng ta mong muốn nghiên cứu nghiêm túc và toàn diện, đặc biệt khi những nghiên cứu này dựa trên những hiểu biết của con người.

Cho đến nay, y học đã quan tâm đến các vấn đề của thể xác, và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, mặc dù cơ chế chữa lành bệnh vẫn là câu hỏi đầy bí ẩn. Ngày nay, khả năng xử lý những căn bệnh phức tạp đã được tăng cường mạnh mẽ thông qua việc phát triển các phương tiện nhận biết khoa học, cho phép quan sát cơ thể từ nhiều góc độ khác nhau. Tinh thể hồng ngoại và tinh thể lỏng cho gam màu nóng được gọi là nhiệt độ; Dụng cụ y tế mới nhất sử dụng siêu âm và cộng hưởng từ hạt nhân cho chúng ta các kích thước và mô hình khác. Ở một mức độ cơ bản hơn về cơ thể vật chất, chúng ta đang dần quen với cách nghĩ bản thân chúng ta như một tổng hòa các hệ thống, các quá trình và các mô hình năng lượng chứ không phải là vật chất đậm đặc thuần túy.

Một số người nhạy cảm có thể quan sát sự tương tác của sinh lực với các diễn trình cảm xúc và trí tuệ có thể loại bỏ những tương tác này khỏi phạm vi thuần túy mang tính chủ quan bằng cách hành động như những "cảm biến" con người. Tuy nhiên, những quan sát của những người có năng lực đặc biệt như vậy khác nhau rất nhiều về độ tin cậy, sự rõ ràng, chính xác, và khả năng ứng dụng trong điều kiện vật lý. Cho dù như vậy, chúng ta phải kiên trì, vì lĩnh vực này còn rất nhiều tiềm năng.

Có lẽ kết luận quan trọng nhất xuất phát từ một nghiên cứu về sự mở rộng của nhận thức vật lý, một điều thể hiện rõ qua khả năng thấu thị, đó là bộ não vật lý không phải là đối tượng tạo ra ý thức, mà thực chất là công cụ của ý thức. Sự chấp nhận khái niệm này sẽ có những tác động sâu rộng đến cách thức con người quan sát chính mình, và thế giới chúng ta đang sống. Ở mức độ tiến hóa hiện nay của loài người, thế giới của năm giác quan là môi trường an toàn và quen thuộc của chúng ta, một môi trường học tập dường như đặt ra những giới hạn cho kinh nghiệm của con người. Không thể nhận thức được khả năng trải nghiệm những gì vượt ra ngoài thế giới vật lý, chúng ta chỉ thoáng thấy được chúng thông qua nghệ thuật hoặc thông qua chứng nghiệm của các nhà thần

bí, các vị thánh hay các nhà tiên tri. Nhưng giờ đây khoa học cũng đã bắt đầu thăm dò một số khía cạnh của thế giới rộng lớn hơn này. Ngày càng có nhiều khám phá kỳ lạ và những lý thuyết gây sốc về bản chất của vũ trụ của chúng ta. Vì hiện nay có khá nhiều người được tự mình trải nghiệm ít nhiều về lĩnh vực siêu cảm, liệu chúng ta có nên cố gắng hết sức để xem xét nghiêm túc những kinh nghiệm này hay không?

Chúng tôi hy vọng rằng tư liệu trong cuốn sách này sẽ hữu ích trong việc đề xuất một số nguyên lý chi phối các chiều đo tinh tế của thế giới mà chúng ta đều chia sẻ bình đẳng trong đó, mặc dù một cách vô thức. Chúng là một phần của một tổng thể lớn hơn, không chỉ bao gồm trái đất vật lý với lịch sử trong quá khứ và khả năng trong tương lai của nó, mà còn bao gồm suy nghĩ và cảm xúc, sai sót và thành tựu, cái nhìn sâu sắc và trực giác của tất cả thực thể tồn tại trong mình.

2. CÁC TRƯỜNG VÀ CÁC LUÂN XA

III. Ba Trường Năng Lượng của Phạm Ngã

Chúng ta bắt đầu với việc khám phá một câu hỏi xa hơn: Bản chất của môi trường siêu cảm là gì, và nó tác động tới chúng ta ra sao?

Như đã lưu ý trong Chương I, luận điểm của chúng ta là con người là một phức hợp của các quá trình tương tác, trong đó không thể thiếu bất cứ quá trình nào. Không có kinh nghiệm thể chất nào mà không kèm theo những phản ứng về cảm xúc và diễn giải về tinh thần. Nếu chúng ta cố gắng mã hoá các mức độ kinh nghiệm của con người, chúng ta đi đến một giản đồ gần với quan điểm Thông Thiên Học rằng con người thể hiện bản thân mình trong cuộc sống hồng trần thông qua một cơ chế ba mặt: *thể dĩ thái* hay sinh lực, *thể astral hay cảm xúc*, và *thể trí*, tất cả kết hợp với nhau, được đề cập đến trong giáo lý Thông Thiên Học như là một phạm ngã.

Chúng ta biết rõ rằng cách mô tả này về tâm linh của con người khác xa với những gì mà các trường phái tâm lý học hiện nay vẫn quan niệm, tuy nhiên đó là giả thuyết nền tảng của những nghiên cứu của chúng ta.

Khi ba khía cạnh này của bản chất con người được tích hợp với cơ thể vật lý trở thành một tổng thể hài hòa, nó trở thành một công cụ hoàn chỉnh và linh hoạt để biểu hiện bản thể (the self). Từ “bản thể” được dùng để biểu đạt bản chất sâu xa nhất và lâu dài nhất của điều mà mỗi người chúng ta thực sự là—thực tính của chúng ta.

Phạm ngã gần giống khái niệm *persona* được phát triển ở Hy Lạp cổ đại và Rome: một mặt nạ hoặc diện mạo mà diễn viên khoác vào để đóng vai trong một vở kịch. Trong vở kịch cuộc đời, chúng ta, các diễn viên, thường đồng hóa với tính cách nhân vật đến nỗi chúng ta đã nhầm lẫn đánh đồng nó với chân ngã (cái tôi thực sự). Không có gì cường điệu khi nói rằng một trong những cuộc đấu tranh vĩ đại nhất của con người là nhận thức được sự khác biệt giữa bản thể (cái mà một số người gọi là linh hồn) và cá tính hay phạm ngã của bản thể đó.

Một yếu tố quan trọng khác của quan điểm này về bản chất con người có liên quan đến bí mật và năng lượng của sự sống. Giờ đây chúng ta đã khá quen với khái niệm cơ thể vật lý là tổng hòa các hệ thống tổ chức tương tác lẫn nhau, nhưng quan niệm bổ sung rằng các hệ thống này được đặc trưng bởi các mô hình năng lượng cụ thể vẫn chưa được hiểu rõ. Thế nhưng đó là những mô hình năng lượng mà chúng ta quan tâm nghiên cứu, do đó chúng ta cần một nguyên lý có thể giải thích sự tương ứng giữa các mô hình năng lượng và các biểu hiện vật lý.

Theo quan điểm được phát triển ở đây, con người là một hệ thống các trường năng lượng phụ

thuộc lẫn nhau, trong đó các mô hình năng lượng không chỉ phù hợp từng trường năng lượng cụ thể mà còn được sắp xếp theo các trật tự và cơ chế đặc biệt. Hơn nữa, các mô hình năng lượng này đáp ứng với những thay đổi trong tâm thức, điều này cho chúng ta một góc nhìn rất khác về nhiều vấn đề rắc rối trong cuộc sống con người. Giáo lý nội môn mô tả con người có 7 cấp độ hay 7 trường tâm thức và năng lượng, mỗi cấp độ được phân biệt theo thứ bậc, tương tự như phân chia thể rắn, lỏng, khí, phân tử, nguyên tử và các cấp hạ nguyên tử của thế giới vật lý.

Chúng tôi đã lưu ý rằng nghiên cứu của chúng tôi chủ yếu quan tâm đến trường dĩ thái, trong sự tương tác liên tục với cơ thể vật lý. Nhưng vì không thể có sự tách biệt giữa các quá trình vật lý và tâm lý, có rất nhiều trường hợp cần phải xem xét cả các yếu tố cảm xúc và trí tuệ.

Như vậy, chúng ta đã sử dụng mô tả của thông thiên học về bản chất con người như một *giả thuyết* cho công cuộc nghiên cứu của chúng ta, theo đó chúng ta đánh giá các quan sát nhãn thông kiến tạo nên phần chủ chốt trong nghiên cứu của mình. Và ở đây từ *giả thuyết* được sử dụng như là “một định đề được coi là đúng để kiểm tra một số dữ kiện đối nghịch nhất định.” Nếu giả thuyết này đưa ra một nguyên tắc giải thích hợp lý nó sẽ được củng cố bởi nghiên cứu của chúng ta; Nếu không, nó có thể được thay đổi để cho ra một giả thuyết tốt hơn.

Vì chúng ta sẽ thường xuyên nhắc tới các trường năng lượng, chúng ta phải nhấn mạnh lại rằng chúng ta chỉ đề cập đến năng lượng sống, cảm xúc và tư duy gắn liền với mỗi cá nhân như là “những trường” nếu chúng ta coi chúng là những phần tăng cường đặc biệt của các trường vũ trụ mà mọi sự sống đều tham gia trong đó. (Một trường có thể được định nghĩa chung nhất như một tình trạng liên tục của không gian) Trong trường hợp này, có sự tương tác liên tục không chỉ giữa ba trường gắn liền với mỗi cá nhân, mà còn giữa các trường này với các trường vũ trụ mà chúng là một phần cấu thành.

Do vậy, để tránh nhầm lẫn, trong các mô tả chung chúng ta thường sử dụng thuật ngữ “trường” để chỉ khía cạnh chung, và dùng từ “dẫn thể” (vehicle) hoặc “thể” (body) để chỉ sự biểu đạt cá nhân của trường vũ trụ. Nhưng vì bà DVK (Dora van Gelder Kunz) thường quen với cách dùng từ trường thay vì dùng từ thể, trong nhiều trường hợp thuật ngữ “trường tổng quát” sẽ được sử dụng để mô tả thể dĩ thái hoặc cảm dục, để phân biệt với dòng năng lượng chảy qua hệ thống luân xa.

Sự giao thoa của ba trường bản thể phạm ngã, cùng với dẫn thể của chúng, cơ thể vật lý, cho chúng ta hình ảnh của cuộc sống con người như một bức tranh bốn chiều di chuyển, với những đường từ lực đan kết ngang dọc với các đặc điểm và kết cấu khác nhau, và các mô hình đó dịch chuyển và biến đổi theo thời gian. Chìa khóa để hiểu được sự phức tạp của quá trình tương tác nằm ở tính năng động của nó, vì sự sống luôn được đặc trưng bởi sự tăng trưởng và đổi thay. Yếu tố quan trọng trong sự biến đổi đó là liệu nó có hướng chúng ta theo con đường tiêu cực, đau yếu và bệnh tật hay mô hình này sẽ dịch chuyển theo xu hướng tự gắn kết, sức khỏe và tổng thể vẹn toàn.

IV. Kết cấu và Chức năng của thể Dĩ Thái

Chức năng quan trọng nhất của thể dĩ thái là dẫn truyền năng lượng sống hay sinh lực từ trường vũ trụ sang trường cá nhân, và từ đó đến cơ thể vật lý. Đó là mối liên hệ chính yếu với đại dương năng lượng sống duy trì toàn bộ thể giới tự nhiên. Đối với phương Tây, bản chất của sinh lực không được công nhận như một dạng thức năng lượng, nhưng đối với phương Đông, sinh lực, được gọi là *prana*, luôn luôn được coi là lực vũ trụ trong tự nhiên liên quan mật thiết đến hô hấp và hơi thở. Nó tồn tại trong cả giới thực vật và động vật cũng như con người.

Thể dĩ thái cũng có vai trò nối kết giữa cơ thể vật lý với thể cảm xúc và thể trí, mặc dù tất cả các thể này đều thâm nhập và gắn kết với nhau, do đó cùng với cơ thể vật lý tạo thành khí cụ của ngã thức trong suốt cuộc đời.

Ở cấp độ dĩ thái, trường cá nhân được quyết định và tiếp thêm sinh lực bởi sinh lực hay năng lượng dĩ thái đổ vào các trung tâm chính hay các luân xa, điều này sẽ được mô tả chi tiết ở phần sau. Đồng thời, các trung tâm của thể cảm xúc và thể trí cũng tiếp nhận năng lượng từ các trường này, và các nguồn năng lượng này điều khiển và biến đổi năng lượng dĩ thái khi nó chảy qua mạng lưới từ lực trong thể dĩ thái. Do vậy, đây là một quá trình rất phức tạp. Thể dĩ thái tiếp sinh lực cho cơ thể vật lý, nhưng quá trình này diễn ra chính xác như thế nào vẫn chưa được biết đến. Tuy nhiên, vì các dòng dĩ thái chạy song song với hệ thần kinh, có thể có một quá trình cảm ứng.

Giống như đứa trẻ trong lòng mẹ tồn tại trong môi trường dịch ối, con người được duy trì bởi biển năng lượng nuôi dưỡng. Cấu trúc của các trung tâm lực hay luân xa trong các thể dĩ thái, cảm dục và thể trí không thay đổi trong suốt cuộc đời mỗi người, ngay cả khi chúng được bổ sung liên tục bởi các dòng năng lượng di chuyển vào và ra ba trường tương ứng.

Mỗi cấu phần của thể vật lý đều có phần tương ứng ở thể dĩ thái, là một bản sao hoàn hảo của hình thể vật lý (vì vậy có thuật ngữ “cặp đôi dĩ thái”). Thể dĩ thái liên kết chặt chẽ với thể vật lý, không thể tách rời. Chắc chắn, theo một nghĩa nào đó, thể dĩ thái là thể vật lý, theo ý nghĩa nó không bao giờ tách ra khỏi cơ thể trong suốt cuộc đời và chỉ tan rã khi cơ thể vật lý chết đi. Vì lý do đó, thể dĩ thái đã được mô tả trong giáo lý huyền môn như là trạng thái thứ tư của vật chất, trong đó 3 trạng thái đầu là rắn, lỏng và khí. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các nhà quan sát cũng đã cho biết rằng chất lỏng, khí và chất rắn cũng có đôi ngẫu dĩ thái riêng của chúng và do đó cách phân loại này có lẽ không vững vàng.

Trong thực tế, trường dĩ thái được cho là được chia thành nhiều phân loại, trong đó loại đậm đặc nhất liên quan đến chất rắn, trong khi các loại khác loãng hơn. Dĩ thái (Etheric) trên thực tế là “vật chất”, và nó nằm rất gần vật chất vật lý. Vì lý do này, người ta cho rằng khả năng nhìn thấy trường dĩ thái có liên quan đến võng mạc mắt, và chỉ trên ngưỡng tầm nhìn bình thường chút ít. Nếu đúng như vậy, có thể phát minh ra thiết bị nào đó có khả năng tăng cường trường dĩ thái đến mức có thể nhìn thấy được. Nhiều người đã cố gắng thực hiện điều này, nhưng cho đến nay chưa có thành công nào đạt được.

Dĩ thái không chỉ là dẫn thể của sinh lực hay prana; nó còn cung cấp các mô hình cơ bản theo đó cơ thể vật lý được hình thành. (Mối quan hệ giữa mô hình dĩ thái và mã di truyền gợi mở nhiều điều thú vị đến nay chưa được khám phá.) Lưới dĩ thái rất quan trọng vì nó liên quan trực tiếp đến tình trạng sức khỏe của cá nhân, vì chất lượng, độ nhạy cảm và khả năng phục hồi của cơ thể, đều có liên quan trực tiếp đến tầm mức hoạt động và chất lượng của thể dĩ thái.

Mỗi tế bào trong cơ thể con người cũng có các năng lượng dĩ thái, cảm dục và trí tuệ tương đương xung quanh nó. Các năng lượng tập trung quanh mỗi cá nhân (tạo thành các “thể” hay “hào quang”) sẽ loãng dần ra xung quanh, hay nói một cách chính xác hơn, vào trường vũ trụ. Cần có rất nhiều nghiên cứu xa hơn để làm rõ ba loại trường này liên quan đến nhau như thế nào ở mỗi cá nhân. Như đã đề cập ở phần trên, cho đến nay chúng ta phải giới hạn nghiên cứu của mình chủ yếu ở thể dĩ thái, chỉ đôi khi nhắc tới các trường cảm dục và trí cho các mục đích chẩn đoán. Như vậy, tất cả những gì có thể thực hiện được là phác thảo một bức tranh toàn diện về thể dĩ thái với các luân xa của nó.

Đối với những người có nhãn thông, thể dĩ thái ở một người khỏe mạnh trông giống như một mạng lưới các đường từ lực sáng trắng tinh tế, vuông góc với bề mặt da. Cấu trúc của nó có thể mịn hoặc thô, và đặc điểm này được lặp lại trong cơ thể vật lý. Mỗi bộ phận của cơ thể đều có đối phân tương ứng ở thể dĩ thái, qua đó năng lượng dĩ thái tuần hoàn liên tục.

Màu sắc của thể dĩ thái là màu xám-xanh lơ nhạt hay là màu xám-tím, chói sáng một cách lờ mờ, trông giống như làn không khí nóng dợn sóng trên mặt đường trong những ngày trời nóng. Ở một người bình thường, thể dĩ thái ló ra khỏi cơ thể từ năm đến bảy centimet (2-3 inch) và hòa lẫn vào trường năng lượng dĩ thái xung quanh. Trường năng lượng dĩ thái xung quanh là một đại dương năng lượng thường xuyên chuyển động một cách lẹ làng nhanh chóng, bao quanh thể dĩ thái giống như bầu không khí bao quanh quả đất.

Trong khi bản thân thể dĩ thái không phải là một dẫn thể của tâm thức, nó giữ vai trò dẫn truyền tâm thức đến bộ óc xác thịt, và nếu vì lý do gì đó thể dĩ thái bị tách rời khỏi thể vật lý, kết quả sẽ tạo ra những rối loạn và bệnh tật cho cơ thể.

Có một mạng lưới dĩ thái với kết cấu chặt chẽ đóng vai trò như một lớp lá chắn tự nhiên giữa thể dĩ thái và thể cảm dục, và bảo vệ con người khỏi sự liên thông giữa hai thể này quá sớm. Một số tài liệu Thông Thiên Học, đặc biệt là các tác phẩm của C.W. Leadbeater, mô tả mạng lưới này liên kết rất chặt chẽ, bao gồm một lớp các nguyên tử dĩ thái phân tách các luân xa nằm dọc theo cột sống. Nó có tác dụng như một thiết bị bảo vệ, và những tổn thương của nó đều gây nên những hậu quả nghiêm trọng, vì điều này mở ra cánh cửa đến với các nguồn lực vượt quá sự kiểm soát của cá nhân. Trong số các yếu tố tác động và làm rách lưới dĩ thái mà người ta ghi nhận được, phải kể đến thói nghiện rượu, sử dụng ma túy và các chất kích thích tương tự.

Tuy nhiên, không nên cho rằng sự tồn tại của lưới dĩ thái ức chế sự tương tác thông thường giữa trường cảm dục và trường dĩ thái. Ở một người khỏe mạnh, có một mối quan hệ trật tự và một

dòng chảy nhịp nhàng giữa các trường năng lượng. Nhưng khi có những rối loạn thường xuyên về mức độ cảm xúc, chẳng hạn như sự thù ghét hoặc lo lắng liên tục, dòng lưu chuyển năng lượng bị rối loạn, và điều này cuối cùng có thể phá vỡ toàn bộ hệ thống. Một ví dụ khác, sợ hãi và lo lắng quá mức có xu hướng làm giảm mức dòng chảy năng lượng bình thường, do đó các cơ quan như thận bị mất khả năng hoạt động bình thường. Do đó các cảm xúc ảnh hưởng mạnh mẽ đến cả thể dĩ thái và thể vật lý.

Cũng giống như khi **năng lượng quá ít sẽ làm phá vỡ hệ thống, năng lượng quá nhiều sẽ mang lại tác động tiêu cực**. Nếu dòng lưu chuyển quá nhanh, dự trữ năng lượng bị tiêu tán nhanh, gây ra sự cạn kiệt nguồn năng lượng cho cơ thể. Căng thẳng cũng sẽ làm suy giảm dự trữ năng lượng, và điều này có thể có những tác động bất ngờ ở cơ thể vật lý, chẳng hạn như những cơn đau tim hoặc suy thận. Sự cạn kiệt năng lượng kiểu này gây ra hiệu ứng lan tỏa, vì vậy khó có thể xác định được chính xác nơi rối loạn sẽ hiển thị hoặc bộ phận nào của cơ thể sống sẽ bị ảnh hưởng, mặc dù bà DVK có thể nhìn rõ nơi nào đang xảy ra sự cạn kiệt năng lượng.

Khi một người khỏe mạnh đang trong trạng thái tĩnh lặng và hạnh phúc, năng lượng sẽ chảy đều và thông suốt. Luân Xa có thể biến đổi năng lượng từ mức độ này sang mức độ khác phản ánh qua sức khỏe cũng như bệnh tật, vì vậy khi một người tràn đầy tình yêu thương, cảm xúc đó được truyền đến cơ thể dưới dạng năng lượng cân bằng. Nếu không có xung đột cảm xúc, năng lượng dĩ thái được tăng cường và mạnh thêm. Chắc chắn, những đứa trẻ khỏe mạnh sẽ luôn hồn nhiên hạnh phúc và vô tư, và chúng tràn đầy năng lượng. (Chi tiết hơn về ảnh hưởng của những thay đổi trong lĩnh vực tình cảm sẽ được đề cập trong Chương VI)

Tóm lại, những cảm xúc tích cực mang lại hiệu quả lớn lao cho toàn bộ hệ thống – đây là một thực tế không cần nhấn mạnh vì mọi người theo bản năng đều ít nhiều biết tới điều này. Chắc chắn nghiên cứu của chúng tôi ủng hộ cho điều mà nhiều kỹ thuật được phát triển ngày nay hướng tới, với mục đích là đề cao thái độ hài hòa trong nội tại và đạt được một trạng thái sức khỏe lành mạnh và những mối quan hệ cá nhân tích cực.

V. Vai trò của Luân Xa

Luân Xa là các trung tâm hay cơ quan siêu vật lý thông qua đó năng lượng của các trường khác nhau được đồng bộ hóa và phân phối cho cơ thể vật lý. Chúng ít nhiều hoạt động trên thể cảm dục, thể trí và (ở mức độ nào đó) trên các cấp độ cao hơn, có chức năng khác nhau ở mỗi thể, nhưng chúng có tầm quan trọng hàng đầu ở cấp độ dĩ thái, nơi chúng đóng vai trò là công cụ tập trung năng lượng trong cơ thể.

Cấu trúc của luân xa đã được mô tả trong các tài liệu bí truyền Ấn Độ và Tây Tạng, cũng như trong các tác phẩm của C.W. Leadbeater và các nhà nghiên cứu hiện đại khác như Swami Rama và Hiroshi Motoyama. Bà DVK đã thực hiện một nghiên cứu chi tiết và mở rộng về các đặc tính của luân xa trong một thời gian dài, đặc biệt chú ý đến vai trò của chúng trong sức khỏe và bệnh tật. Các mô tả trong cuốn sách này hoàn toàn dựa trên các quan sát của bà, và sẽ có đôi chút khác

biệt so với một số tài liệu khác, tuy nhiên những chi tiết khác biệt này không thuộc về bản chất.

Các thể dĩ thái, cảm dục và thể trí đều có bảy trung tâm lực chủ chốt, được gọi là các Luân Xa – bánh xe quay – vì hình dạng của chúng. Trong cả hình dạng và phương thức chuyển động, chúng giống như những bánh xe, với lõi là một trục trung tâm, quay quanh có cấu trúc giống như các cánh hoa. Thông qua lõi trung tâm, năng lượng của các trường khác nhau tập trung và lưu chuyển, và xung quanh nó các năng lượng xoáy ly tâm và chuyển động nhịp nhàng, tạo nên một tổng thể trông giống như một bông hoa với những cánh hoa rung động đều đặn theo nhịp điệu, tương tự hiệu ứng đạt được trong nghệ thuật nhiếp ảnh tua nhanh. Thực tế, trong các kinh sách Ấn Độ, các luân xa được gọi là hoa sen vì hình dạng hoa của chúng, và bởi vì chúng có gốc trung tâm kết nối năng lượng ăn sâu vào cột sống và hệ thần kinh. Các lõi hay tâm điểm của các trung tâm là các đầu mối tương tác, nơi mà năng lượng lưu chuyển từ một trường hoặc một cấp độ này tới trường và cấp độ khác. Tất cả những luân xa này đều liên quan đến những khả năng hay năng lực tâm thức đặc biệt của một trong những trường, như cảm dục hay thể trí.

Lama Govinda, nhân vật nổi tiếng của Phật giáo Mật tông, đã chỉ ra rằng nền tảng sinh lý học của các học thuyết về luân xa hay trung tâm siêu linh hoàn toàn giống nhau trong Ấn Giáo và Phật giáo Mật tông, mặc dù hai dòng giáo lý này có một số khác biệt đáng kể. Ông viết “Sự khác biệt chính nằm trong cách nhìn nhận khác nhau đối với những dữ kiện nền tảng giống nhau ... Đạo Hindu chú trọng tới phần tĩnh của các luân xa và mối liên hệ của chúng với tính chất cơ bản ... Cách tiếp cận này coi luân xa là những thực thể 'khách quan' dưới hình thức các cấu phần riêng rẽ ổn định—Phật giáo ít quan tâm đến mặt tĩnh—khách quan của các Luân Xa, mà chú trọng tới những dòng chảy qua chúng, với các chức năng năng động của chúng, tức là với sự biến đổi của các dòng năng lượng tự nhiên hay năng lượng vũ trụ thành những tiềm năng tinh thần. Quan điểm về luân xa mà bà DVK trình bày khá tương đồng với yếu tố năng động trong quan niệm của Phật giáo.

Bảy luân xa dĩ thái, có ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của cơ thể vật lý và thể dĩ thái, có các đối phần của chúng ở cấp độ cảm dục và thể trí. Giống như cơ thể vật lý đang liên tục phân rã và tự tái tạo chính mình, các trường dĩ thái, cảm dục và trí luôn thay đổi, nhưng với tốc độ nhanh hơn nhiều. Luân xa có liên quan đến sự thay đổi này.

Điều quan trọng cần lưu ý là các luân xa đồng thời là các cơ quan truyền dẫn và biến đổi năng lượng từ trường này sang trường khác, vì cơ chế của chúng là đồng bộ hóa các năng lượng cảm xúc, trí tuệ và dĩ thái. Chúng biến đổi năng lượng lên hay xuống, làm chậm hay tăng tốc, từ trường này sang trường khác, khiến cho năng lượng nhanh hơn của trường cảm xúc có thể ảnh hưởng đến năng lượng chậm hơn của thể dĩ thái, và ngược lại.

Có thể hình dung đơn giản Luân xa dĩ thái giống như các xoáy quay nhanh, thu hút năng lượng vào trung tâm của chúng trong một dòng chảy kín và phân tán năng lượng ra xung quanh theo vòng xoắn ốc ngày càng mở rộng. Dòng năng lượng thu được từ trường vũ trụ tuôn đổ vào luân xa, và do cấu trúc tổ chức của chúng, chuyển động xoáy hoặc xoay vòng được tạo ra. Tuy nhiên

dòng chảy này không ảnh hưởng đến cấu trúc hình học cơ bản của chúng vì hình dạng này có tính ổn định.

Thế nhưng không thể suy luận rằng các luân xa là tách rời với các trường năng lượng, như chúng được thể hiện trong hình vẽ. Chúng là những xoáy tập trung năng lượng của các trường, giống như những xoáy nước hình thành trong dòng nước. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi quan trọng nào trong trường năng lượng ngay lập tức hiển thị ở các Luân Xa, và dễ dàng quan sát nhất ở vị trí này.

Ví dụ, nếu một người buồn phiền một thời gian, năng lượng này sẽ đi qua toàn bộ trường dĩ thái cũng như trường cảm xúc, và do đó nó tác động tới các bộ phận của cơ thể như thận. Ngược lại, khi cơ thể bị căng thẳng, một số dòng năng lượng của thể dĩ thái bên ngoài thông qua các luân xa sẽ ảnh hưởng đến trường cảm xúc.

Các luân xa khác nhau sẽ có màu sắc khác nhau, cũng phát sáng và góp phần tạo nên hình ảnh giống bông hoa. Ở một người khỏe mạnh, hình dạng của các luân xa hài hòa và đẹp đẽ, cân xứng và có hệ thống, với tất cả các bộ phận cùng lưu chuyển theo nhịp điệu. Sự chuyển động của chúng thực chất có nhịp điệu như những hòa âm trong âm nhạc với những giai điệu khác nhau tùy thuộc từng cá nhân, thể tạng và tính khí khác biệt của mỗi người.

Các luân xa không bao giờ tĩnh; tốc độ quay của chúng vừa nhanh vừa biến đổi theo tình trạng sức khỏe và chất lượng dòng chảy. Toàn bộ quá trình này tương tự như cơ chế hô hấp, vì năng lượng cũng được con người hít vào và thở ra. Năng lượng đổ vào lõi trung tâm của luân xa, đến xương sống qua phần cuống, sau đó chảy dọc theo các đường dẫn nhỏ bé của thể dĩ thái được kết nối với hệ thần kinh cơ thể. Cuối cùng năng lượng quay trở lại các luân xa, di chuyển ra ngoài theo đường xoắn ốc thông qua các vòng xoáy của các cánh hoa, theo nhịp điệu vào ra đều đặn. Những xoắn ốc của năng lượng ngày càng mở rộng ra trong suốt quá trình tuần hoàn, dần dần lẫn vào và tan biến trong trường dĩ thái của toàn bộ cơ thể, và sau đó hòa lẫn vào trường vũ trụ, giống như hơi thở ra của con người trở thành một phần của toàn bộ bầu khí quyển trái đất.

Các luân xa dĩ thái, nằm trên bề mặt của thể dĩ thái, rất khác nhau về màu sắc, độ sáng, kích cỡ, tốc độ chuyển động, nhịp điệu và kết cấu, một số mịn màng, một số thô nhám hơn, phụ thuộc vào khí chất cá nhân và trạng thái sức khỏe. Vì lý do này, bệnh tật có biểu hiện rất rõ tại các luân xa, vì nó phá vỡ chuyển động hài hòa và thay đổi kết cấu của chúng.

Các luân xa cũng cho thấy mức độ phát triển cá nhân và phẩm chất của tâm thức, cũng như năng lực của mỗi người, thông qua các biến thể trong các trung tâm dĩ thái và các mối liên hệ qua lại của chúng với những trung tâm ở cấp khác. Ở một người bình thường, chưa tiến hóa cao, các luân xa sẽ có kích thước nhỏ, chuyển động chậm, màu xám và kết cấu thô nhám. Ở một người thông minh, năng động và nhạy cảm hơn, các luân xa sẽ sáng hơn, kết cấu mịn hơn và chuyển động nhanh hơn, và ở một người đã thức tỉnh sử dụng hết năng lực nội tại của mình, các luân xa trở thành những vòng xoáy đầy màu sắc và sáng chói.

Các luân xa chính của thể dĩ thái được nằm dọc theo một trục thẳng đứng, năm luân xa dưới nằm song song với trục sống, kéo dài từ xương cùng tới hộp sọ, trong khi hai luân xa còn lại một nằm giữa hai lông mày và một nằm ở đỉnh đầu. Luân xa đỉnh đầu thường lớn hơn các luân xa khác, và là điểm tập trung tâm thức.

Trong bất kỳ người nào, một số luân xa có thể khác nhau về kích thước và độ sáng, và điều này, cùng với các mối liên hệ tương tác của chúng, cho thấy những tài năng và năng lực đặc biệt. Chẳng hạn, luân xa cổ họng và luân xa trán của một người ca sĩ tài năng hoặc một diễn giả nổi tiếng sẽ lớn hơn nhiều so với người bình thường, chúng cũng sáng hơn, rực rỡ hơn và quay nhanh hơn. Trong một trường hợp hoàn toàn khác, luân xa tùng thái dương của người đồng cốt được mở rộng nhưng có kết cấu thô hơn, có màu sẫm, nhịp điệu không đều đặn và phần lõi trung tâm lỏng lẻo. Ở trẻ sơ sinh, các luân xa thường có kích thước khoảng ba centimet và trông giống như những chiếc đĩa nhỏ và cứng.

Mỗi luân xa có liên kết đặc biệt với một số cơ quan của cơ thể, cũng như với các trạng thái tâm thức nhất định (được mô tả trong phần sau). Tuy nhiên, như Arthur Avalon đã chỉ ra trong cuốn sách kinh điển của ông về kundalini—*Luồng Xà Hỏa*, cần phải nhớ rằng mặc dù sự tương quan là hoàn toàn thích hợp, việc xác định rõ ràng luân xa nào gắn liền với các cơ quan cụ thể nào có thể gây hiểu nhầm, vì các luân xa là các trung tâm năng lượng tinh tế tồn tại khi cơ thể còn sống và biến mất khi con người chết đi; Do đó chúng là vật chất, nhưng không thể hiện theo nghĩa thông thường của từ này.

Với những hiểu biết này, có thể nói rằng nói chung các nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra rằng các tuyến nội tiết có liên quan đến bảy luân xa dĩ thái. Chắc chắn các mối quan hệ phức tạp giữa các luân xa này, cũng như các luân xa ở các thể khác, khá giống với sự liên kết chức năng của hệ thống nội tiết. Trong thực tế, sự tương tác của tất cả các trường năng lượng với cơ thể vật lý là một hệ thống tích hợp hài hòa bắt nguồn và được duy trì bởi các mô hình năng lượng của các luân xa trong thể dĩ thái, cảm dục và thể trí.

Các luân xa khác nhau cũng chỉ ra trọng điểm chính yếu trong mỗi con người—trọng tâm của “cái tôi.” Ví dụ, nếu một người thiên về cảm xúc, thì luân xa tùng thái dương và luân xa tim sẽ hoạt động mạnh mẽ và nổi bật hơn các luân xa khác. Nếu luân xa trán sáng chói, điều này là biểu hiện cho một mức độ tích hợp phàm ngã cao; Nếu luân xa đầu đặc biệt rạng rỡ, nó biểu thị sự phát triển của nhận thức tinh thần. Mức độ hoạt động của các luân xa dĩ thái và mức độ nhạy cảm của các mối liên hệ của chúng với các luân xa đối ứng ở thể cảm dục và thể trí xác định tiềm năng phát triển nhận thức cao hơn của mỗi người.

Sợi chỉ tâm thức thức tỉnh gắn liền với lõi trung tâm của luân xa đỉnh đầu. Trong giấc ngủ, luồng năng lượng ở đây giảm xuống, và được kích hoạt lại khi tỉnh thức. Tuy nhiên **sợi chỉ sự sống kết nối luân xa tim với trái tim của cơ thể**, và kết nối này không bị gián đoạn trong suốt cuộc đời. Vào lúc chết, sợi chỉ tâm thức rút khỏi luân xa đỉnh đầu, và sợi chỉ của sự sống rút khỏi trái tim, báo hiệu sự tan rã của tất cả các luân xa khác. Như vậy khi chết tất cả các kết nối bị phá

vỡ; thể dĩ thái trước tiên nói lỏng liên kết khỏi cơ thể vật lý, sau đó tách ra, và tan rã trong vòng vài ngày sau khi chết trong điều kiện bình thường.

Tóm lại, các chức năng chính của luân xa dĩ thái là hấp thu và phân phối prana hay sinh lực cho thể dĩ thái, qua nó đến cơ thể vật lý, và để duy trì các liên kết động với các luân xa tương ứng trong thể cảm xúc và thể trí. Một trong những chức năng của các luân xa là phối hợp sự tương tác giữa các trường năng lượng khác nhau. Tình trạng của cơ thể vật lý chịu ảnh hưởng không chỉ bởi tốc độ dòng năng lượng dĩ thái, mà còn bởi mức độ hài hòa theo nhịp điệu của chúng, và bất kỳ vật cản nào làm biến dạng các mô hình năng lượng bình thường đều dẫn đến mất sinh lực và sức khoẻ.

Bây giờ chúng ta sẽ mô tả các luân xa chính theo những quan sát và nhận thức của bà DVK. Các minh họa mà chúng tôi đưa ra để tham khảo có trong các tờ rời ở bìa sau cuốn sách này được lấy từ cuốn *The Chakras – Luân Xa*, một nghiên cứu nhãn thông của ông C.W. Leadbeater (Wheaton, IL: Nhà xuất bản Thông Thiên Học, [1927] 1987). Những hình minh họa này được vẽ lại theo mô tả của ông Leadbeater, là những minh họa về các luân xa ở thể cảm dục, thể hiện cấu trúc và màu sắc của chúng tôi đa có thể được thông qua một trung gian tĩnh, rất tiếc là các hình vẽ này hoàn toàn không truyền tải được tính năng động của các luân xa và những thay đổi màu sắc và nhịp điệu liên tục của chúng.

Luân xa đỉnh đầu

Luân xa trên cùng nằm cách đỉnh đầu khoảng sáu centimet. Nó giống hình cái đĩa, bao gồm **12 cánh hoa vàng ở trung tâm, với 960 cánh hoa phụ được sắp xếp xung quanh chúng,** vì vậy nó được gọi là “hoa sen ngàn hoa” trong Mật tông Ấn giáo. Những cánh hoa này hiển thị tất cả các màu sắc của cầu vồng, với **màu tím chiếm ưu thế.**

Trong Mật tông Ấn giáo, luân xa *sahasrara*, được mô tả là “chỗ ngồi đặc biệt và cao nhất của linh hồn, Jiva”, và như vậy khác với các luân xa khác nằm dọc theo cột sống. Đó là luân xa quan trọng nhất và cho thấy cả phẩm chất tinh thần và trạng thái của tâm thức của mỗi cá nhân. Kích thước, sự thay đổi về màu sắc, tốc độ quay, nhịp điệu, độ sáng, kết cấu và độ đàn hồi, cũng như sự phát triển của các kết nối với các luân xa khác, đều cho thấy phẩm tính và tính chất của toàn bộ nhân cách và sức mạnh của mối liên hệ với tận cùng bản ngã. **Nếu lõi trung tâm của luân xa tỏa sáng rực rỡ, điều này thường cho thấy người đó thực hành tham thiền đều đặn.**

Kích thước của lõi cũng như các đặc điểm khác của nó cho thấy khả năng mở rộng tâm thức của mỗi người, hoặc thậm chí khả năng đạt được sự liên tục của ý thức giữa trạng thái thức và trạng thái ngủ, vì đây là trung tâm thông qua đó linh hồn thường thoát ra khi ngủ. Tuy nhiên, nếu lõi trung tâm quá đàn hồi, việc thoát ra khỏi cơ thể trở nên quá dễ dàng, như trong trường hợp một đồng tử rơi vào trạng thái xuất thần một cách vô thức.

Nói cách khác, **đây là luân xa cho thấy mức độ tiến hóa tâm thức của cá nhân.** Ở cả phương Đông và phương Tây, nghệ thuật tôn giáo đã miêu tả tính chất này bằng hình tượng: đức Phật luôn

được miêu tả với sự nhô cao trên đỉnh đầu của Ngài cho thấy sự giác ngộ, trong khi đó các tia sáng vàng bao quanh đầu Đức Christ và các thánh tượng trưng cho tinh thần giác ngộ của họ. Govinda viết rằng luân xa này, cùng với hai luân xa tiếp theo, “vượt xa các yếu tố thô trược (*mahabhuta*) và đại diện cho không gian cao hơn, trong đó phẩm tính ánh sáng. . . hòa nhập vào trạng thái năng lượng tinh thần của *prana* và vào tâm thức vũ trụ. “Vì lý do này, luân xa đỉnh đầu được xem có vị thế cao hơn sáu luân xa còn lại, và thường không nằm trong danh sách các luân xa, như trong tác phẩm của Arthur Avalon về kundalini yoga, *Sáu Luân Xa và Sức mạnh luồng hỏa xà*.

Khi các liên kết dĩ thái giữa luân xa đỉnh đầu và luân xa trán mở rộng và hoạt động, điều này cho thấy một mức độ thông nhận nhất định, và cũng chứng tỏ có thực hành tham thiền và định trí. Trong cơ thể vật lý, sự kết nối với luân xa này chủ yếu thông qua tuyến tùng, nhưng nó ảnh hưởng đến toàn não bộ.

Ở mọi giai đoạn phát triển, luân xa đỉnh đầu là cơ quan tổng hợp.

Luân xa Trán

Luân xa trán, hay luân xa *ajna*, gồm chín mươi sáu cánh hoa. Nằm trên trán ở giữa hai mắt, nó đặc biệt liên quan đến luân xa đỉnh đầu. Thật vậy, trong một số tài liệu kinh điển Tây Tạng, mặc dù không được đề cập cụ thể, nhưng luân xa trán được xem như là một phần của “hoa sen ngàn cánh”.

Trong cấu trúc, luân xa trán khác với các luân xa khác ở đặc điểm nó có hình dáng được chia thành hai phần, **một nửa màu hồng và vàng, nửa kia màu xanh và tím.** (Có lẽ vì đặc thù này, nó được mô tả trong Kinh sách Ấn Độ là gồm hai cánh hoa.) Luân xa này có liên quan với tuyến yên; Điều thú vị là tuyến này cũng bao gồm hai phần, mỗi phần có một chức năng riêng biệt. Đây là luân xa chủ yếu liên quan đến việc tích hợp các ý tưởng và kinh nghiệm với năng lực tổ chức. (Trong Mật tông Ấn giáo, nó được coi là biểu tượng của tattvas của thể trí và prakriti hay chất liệu chính.) Nó là cơ quan của hình dung và là trung tâm của nhận thức, có thể hướng lên những điều cao hơn hoặc hướng xuống thế giới trần tục; Nó phản ánh tính nhị nguyên của tâm thức.

Nếu luân xa trán của thể dĩ thái phát triển mạnh và các kết nối của nó với luân xa đối ứng ở thể cảm dục được khai mở và hoạt động, việc thông nhận tới các cõi cao hơn có thể diễn ra. Khi nó được kết nối chủ yếu với luân xa cuống họng, điều này cho thấy việc sử dụng tích cực trí tưởng tượng sáng tạo.

Luân xa Cuống họng

Luân xa cuống họng (luân xa *visuddha*), nằm ngay phía trước cuống họng, có màu xanh bạc (màu trắng theo cách mô tả của các kinh sách Ấn Độ) và có mười sáu cánh hoa. Trong Phật giáo Mật tông, nó liên quan đến phẩm chất không gian (*akasa*), chất nền của âm thanh và môi trường rung động. Nó thường có đường kính khoảng sáu centimet, và lớn hơn ở những người sử dụng nhiều tới phát âm hay giọng nói; đối với các ca sĩ và những diễn giả nói trước công chúng, luân xa

này chuyển động nhanh hơn và sáng hơn. Nó cũng nổi bật ở các nhạc sĩ và nhà soạn nhạc, và thực tế là ở những người liên quan tới công việc sáng tạo ở bất kỳ thể loại nào, vì luân xa này cho thấy sự nhạy cảm với màu sắc và hình dạng cũng như âm thanh và nhịp điệu. Có thể nói khía cạnh sáng tạo của bản ngã được truyền từ luân xa trán, nơi nó được khái quát hóa, tới luân xa cuống họng, nơi nó được tiếp thêm sức sống.

Luân xa cuống họng liên kết với cơ thể vật lý thông qua tuyến giáp và tuyến cận giáp, những nơi nhận năng lượng cung cấp từ luân xa này. Theo quan điểm của những người có nhãn thông, màu sắc rõ ràng và nhịp điệu đều đặn của luân xa cuống họng cho thấy tuyến giáp khỏe mạnh.

Luân xa tim

Luân xa tim (luân xa anahata) nằm ở chính giữa hai bả vai. Nó có đường kính trung bình khoảng sáu centimet và **bao gồm 12 cánh hoa màu vàng kim rực rỡ.** (Trong Mật tông, nó được mô tả là có màu “khói.”) Khi màu sắc rõ ràng và nhịp điệu ổn định, điều này cho thấy một trái tim khỏe mạnh và một cơ thể vật lý tràn đầy sức sống. Trong Mật tông, phẩm tính đặc trưng của luân xa này được cho là sự chuyển động.

Luân xa này gắn liền với những chiều đo cao hơn của tâm thức, và như đã nói ở trên, nó có mối quan hệ gần gũi với mười hai cánh hoa vàng kim trong luân xa đỉnh đầu. Luân xa tim cho biết chất lượng và sức mạnh của lòng bác ái trong cuộc sống của mỗi cá nhân. Khi một người đã chuyển hóa ham muốn và các đam mê cá nhân thành ước nguyện và tình yêu thương rộng lớn với đại đồng, luân xa tim sẽ trở thành tâm điểm của các dòng năng lượng trước đó tập trung ở luân xa tầng thái dương. Trong tham thiền, học viên được khuyến khích tập trung vào luân xa tim, để tăng cường kết nối với lõi trung tâm của luân xa đỉnh đầu. Điều này mang lại trạng thái cân bằng thực sự trong cơ thể, vì luân xa tim thực sự là điểm tích hợp trong toàn bộ hệ thống các luân xa, và do đó mang lại một hiệu quả cân bằng quan trọng. Luân xa tim hoạt động như một yếu tố chính trong quá trình phát triển tinh thần.

Trong cơ thể vật lý, có một mối liên hệ giữa luân xa tim và tuyến ức, và thông qua đó tới hệ miễn dịch. Luân xa này cũng có liên quan đến chức năng hoạt động của trái tim.

Luân xa Tầng thái dương

Luân xa Tầng thái dương (luân xa *manipura*) nằm gần vùng rốn. **Nó có mười cánh hoa, và trong những điều kiện bình thường, nó có nhiều sắc màu, với màu đỏ tươi và xanh lá cây chiếm ưu thế.** Biến động về nhịp điệu, chuyển động thái quá, và rối loạn trong màu sắc của luân xa này cho thấy một người quá thiên về tình cảm, và không thể kiểm soát được cảm xúc của mình.

Luân xa này là quan trọng nhất ở khía cạnh kết nối với trường cảm dục, bởi vì tại đây này năng lượng cảm dục đi vào trường dĩ thái. Nó cũng liên quan chặt chẽ đến luân xa tim và luân xa cuống họng.

Trong cuộc sống của một người bình thường, luân xa Tùng thái dương có lẽ là quan trọng nhất và hoạt động mạnh nhất trong số tất cả các luân xa, vì nó liên quan mật thiết đến đời sống tình cảm. Nó hoạt động mạnh ở một người có ham muốn mạnh mẽ, và đóng một vai trò quan trọng trong việc phóng chiếu năng lượng cá nhân. Vì lý do này, khi một người căng thẳng hoặc gặp các vấn đề về cảm xúc và ảnh hưởng đến hệ tiêu hoá, có thể quan sát thấy sự xáo trộn ở luân xa tùng thái dương. Có thể coi các liên kết vật lý của luân xa này chủ yếu là với tuyến thượng thận và tuyến tụy, cũng như với gan và dạ dày. Đây là luân xa thông qua đó diễn ra các hoạt động đồng cốt, và là liên quan đến các hình thức nhãn thông bậc thấp.

Luân xa Lá lách

Luân xa này được mô tả khác nhau ở các tài liệu khác nhau, và trong một số giáo lý cổ, luân xa lá lách được coi là nằm phía trên lá lách và là một trong bảy luân xa chính; theo một số giáo lý khác, nó được coi là luân xa phụ. Trong các quan sát của bà DVK, luân xa lá lách không được coi là một luân xa chính, nhưng một trong cũng đóng một vai trò quan trọng trong hệ thống luân xa.

Luân xa này có sáu cánh hoa hay sáu phần với sắc màu phong phú, trong đó màu vàng và đỏ hoa hồng chiếm ưu thế. Chức năng quan trọng nhất của nó là hấp thu sinh khí từ trường năng lượng chung, biến đổi nó, và sau đó phân phối tới các luân xa khác. Người ta tin rằng mỗi màu sắc có trong luân xa này có mối quan hệ rung động với các luân xa khác tương ứng với từng màu chủ đạo (màu vàng tương ứng với luân xa tim, đỏ hoa hồng tương ứng với luân xa tùng thái dương ...) và nhờ đó các luân xa khác được tiếp thêm sinh khí.

Luân xa lá lách nằm ở bên trái bụng ngay dưới xương sườn thứ mười, và được nối với lá lách trong thân thể. Luân xa này thường có màu sắc tươi sáng và rực rỡ. Vì nó là bộ phận trung chuyển chính của prana hay sinh lực cho cơ thể vật lý, chức năng quan trọng nhất của nó là hấp thụ và phân phối sinh khí.

Luân xa Xương cùg

Trong Mật tông Ấn giáo, khởi nguồn kiến thức của chúng ta về luân xa, có sáu luân xa chính trong cơ thể, cộng với “hoa sen ngàn cánh” hay *sahasrara padma*, mà chúng ta gọi là Luân xa đầu. Ngoài ra còn có nhiều luân xa phụ. Theo hệ thống này, có một luân xa (luân xa *svadhisthana*) ở phần xương cùg điều khiển năng lượng tính dục. Tương ứng với sáu cánh hoa của luân xa này, với màu sắc chủ đạo là màu đỏ (theo mật tông Tây Tạng là màu trắng), là sáu *vritti* hay sáu trạng thái tâm thức: tính đáng tin, nghi ngờ, khinh thị, ảo tưởng, kiến thức sai lệch và sự tàn bạo. (theo Arthur Avalon, *Sức mạnh Luồng Hỏa xà*)

Theo bà DVK, luân xa này, giống như luân xa lá lách, có các chức năng quan trọng nhưng không phải là một luân xa chính ảnh hưởng đến toàn bộ trường năng lượng theo phương diện mà sáu luân xa khác thực thi. Vì trọng tâm của các cuộc nghiên cứu mà bà và bác sĩ Shafica Karagullas hợp tác thực hiện tập trung chủ yếu vào lĩnh vực y tế, không mấy quan sát và nghiên cứu được tiến hành liên quan đến luân xa xương cùg.

Luân Xa Gốc

Luân xa gốc (luân xa *muladhara*) nằm ở đáy cột sống, có bốn cánh hoa màu đỏ cam tươi sáng. (Trong giáo lý Mật tông nó được coi là có mối liên hệ với các cấu phần của Trái đất, cũng có màu vàng). Luân xa này được nhắc tới như là nguồn gốc hay nơi trú ngụ của luồng xà hỏa kundalini, được cuộn lại và nằm yên trong con người bình thường. Hai dòng năng lượng, *ida* và *pingala*, đi lên ở một trong hai bên cột sống, được gọi là *sushumna*, bắt nguồn từ luân xa này.

Để hiểu được đặc điểm đặc biệt của luân xa này, cần phải nói về ba vận hà năng lượng, như chúng đã được xác định theo truyền thống Mật tông Ấn giáo. Theo giáo lý này, năm luân xa nằm trong cơ thể được kết nối với nhau thông qua gốc luân xa nằm trong dòng năng lượng trung tâm của cột sống. Dòng vận hà năng lượng trung tâm này, được gọi là *sushumna*, bắt nguồn từ phần xương cùng của cột sống và gắn kết với hành tủy ở đáy não bộ; Nó xử lý dòng năng lượng chảy vào từ trường dĩ thái. Hai dòng vận hà khác, *ida* và *pingala*, cũng bắt nguồn từ gốc cột sống và kết thúc ở đáy não bộ; chúng liên kết với dòng chảy ra của năng lượng.

Ida và *pingala* chạy cắt ngang qua lại *sushumna* tại những điểm chót hình thành nên năm luân xa chính. Sự giao thoa này giống như một caduceus sống động và rực rỡ – hình ảnh hai con rắn cuốn nhau, biểu tượng cổ của ngành y và của nghệ thuật chữa bệnh, điều này chỉ ra một số nhận thức tiềm ẩn về mô hình năng lượng cho sức khỏe.

Do vậy, luân xa gốc đặc biệt liên quan đến năng lượng sống. Đặc điểm này của nó ứng đáp với khía cạnh ý chí của bản thể, tức là sự hữu ý nền tảng của bản thể. Ở những người tiến hóa cao, năng lượng này, được gọi là luồng xà hỏa kundalini, đi lên và chuyển hóa, sau đó được kết nối với luân xa đầu.

Các luân xa phụ

Bên cạnh các luân xa chính, có hai mươi một luân xa phụ—các trung tâm phân phối nhỏ. Chúng tôi sẽ không bàn sâu chi tiết về các luân xa phụ, mặc dù người nghiên cứu cũng nên biết tới sự tồn tại của chúng. Những trung tâm nhỏ này, được gọi là *nadis* trong Mật tông Ấn giáo, khác với các luân xa thực sự ở chỗ chúng tập trung chủ yếu vào các điểm có lưu lượng năng lượng lớn. Chúng không liên quan tới bất kỳ tuyến nào trong cơ thể. Các luân xa phụ đáng lưu tâm trong nghiên cứu này là những luân xa trong lòng bàn tay và lòng bàn chân vì chúng rất quan trọng trong việc thực hiện phương pháp chữa bệnh bằng trường năng lượng – therapeutic touch.

Hệ Luân Xa

Quá trình sống rất phong phú và phức tạp, đó là một tổng hòa năng động của nhiều dòng năng lượng và mức độ phát triển tâm thức. Thân thể vật lý đại diện cho sự hợp nhất cuối cùng của tất cả các lực này cũng phức tạp như các năng lượng hình thành và tạo nên sự sống cho nó. Một số biểu hiện về cách vận hành của các năng lượng và ảnh hưởng của chúng lên sức khỏe và bệnh tật là đề tài nghiên cứu của chúng tôi.

Trong sinh lý học, người ta nhận thấy rằng các chức năng của cơ thể bao gồm một hệ thống tổ chức và tích hợp tinh vi. Nếu người ta có thể quan sát được mô hình năng lượng của toàn bộ thể dĩ thái, bao gồm cả các luân xa trên đó, người ta cũng sẽ thấy rằng nó cũng là một hệ thống kết hợp phức tạp nhưng chính xác và hài hòa. Vì vậy, nếu chúng ta có thể mở rộng khái niệm tổ chức để bao gồm các luân xa và năng lượng của chúng như là một phần của chức năng của cơ thể, chúng ta sẽ có một bức tranh hoàn thiện hơn nhiều về những gì kiến tạo nên con người.

VI. Thể Cảm dục và các Xúc cảm

Thể cảm dục (astral) là trường hay dẫn thể cảm xúc của *cá nhân*, và nó hoạt động như một cầu nối giữa thể trí và cơ thể vật lý. Từ “astral” được nhà chiêm tinh học Paracelsus sử dụng lần đầu tiên vào thế kỷ XVI để chỉ trường dĩ thái hay trường sinh lực bởi sự chói sáng và lấp lánh của nó. Tuy nhiên, theo thời gian, cách sử dụng và ý nghĩa của nó thay đổi, và giờ đây, từ này có liên quan tới cấp độ tình cảm, hoặc tư tưởng mang màu sắc cảm xúc.

Chúng ta nhận ra rằng có rất nhiều loại năng lượng ở mức độ vật lý thâm nhập trong cùng một không gian mà không ảnh hưởng lẫn nhau. Có nhiều loại sóng điện từ như sóng ánh sáng, sóng vô tuyến, sóng âm thanh, và nhiều sóng khác. Khi từ “cao hơn” được sử dụng để mô tả hiện tượng sóng, nó không có nghĩa là “tốt hơn” hoặc “tinh tế hơn”; Nó đơn giản chỉ ra rằng các năng lượng đang được nghiên cứu có tần số hoặc mức độ rung động cao hơn. Nó giống như sự khác biệt giữa nốt Đô (nốt C) ở quãng cao và quãng trung trên đàn piano. Tương tự, những từ “trên” và “dưới” thực sự không đủ để mô tả một trạng thái trong đó trường dĩ thái, cảm dục và trí thâm nhập lẫn nhau ở mọi điểm.

Mỗi trường này đều có những đặc tính riêng. Ví dụ, tất cả cảm xúc, tâm trạng và ấn tượng của con người là do chúng ta được nhúng trong một trường vũ trụ được gọi là cảm dục, một môi trường quyết định mọi cảm giác. Phát biểu này sẽ không gây sửng sốt cho những ai đã quen với ý tưởng rằng toàn bộ cuộc sống đều đi kèm với một mức độ phản ứng có ý thức đối với môi trường, cho phép các thực thể sống xử lý thông tin và nhờ đó tăng trưởng và phát triển. Sự đáp ứng hữu thức như vậy luôn luôn đi kèm với cảm giác, cho dù là niềm vui hay đau đớn, thích thú hay sợ hãi.

Do vậy, trường astral hay trường cảm dục thực sự là phổ quát. Đó là một thế giới linh hoạt của những dòng năng lượng chuyển động nhanh, lấp lánh màu sắc, đầy biểu tượng và hình ảnh khiến chúng ta rung động với vẻ đẹp mỹ miều của chúng hoặc làm cho chúng ta sợ hãi và lo lắng vì nó có thể đáp ứng những ý tưởng sai lệch và tiêu cực cũng như những gì cao quý và thúc đẩy. Nhưng trong mọi trường hợp, trường cảm dục là một phần nội tại của cuộc sống con người cần được hiểu và đánh giá đầy đủ ý nghĩa mà nó mang lại.

Trong trường vũ trụ, mỗi người đều có một trường cảm xúc cá nhân, đôi khi được gọi là hào quang hay thể cảm dục. Tất cả chúng ta đều viết câu chuyện đời mình – ghi lại những yêu và ghét,

thành công và thất vọng, can đảm, hy sinh và khát vọng—trong trường cảm xúc cá nhân này. Ở đó có những nỗi buồn trong quá khứ đã thành sẹo, cũng như dấu ấn rạn vỡ của những ước vọng được thực thi. Mặc dù hào quang cá nhân là hình ảnh của tất cả những cảm xúc đang và đã trải qua, đó là một bức tranh sống động, không hề tĩnh tại, vì nó phản ánh cả những tiềm năng được khai phá, những kế hoạch chưa được hoàn thành, cũng như sự biến đổi không ngừng của hiện tại và nơi đây. Những người trải qua kinh nghiệm cận tử đều xác nhận rằng thước phim về cả cuộc đời họ trải ra trước mắt trong ánh sáng chói lọi, một điều cho thấy quá khứ của chúng ta luôn tồn tại trong ta. Cũng giống như các trường vật lý, trường cảm dục thấm đẫm năng lượng, nhưng nó chuyển động nhanh hơn nhiều, và do đó được coi là một phổ màu sắc và âm thanh cao hơn một bát độ (octave). Hình thức của trường cảm xúc cá nhân (thể hay hào quang cảm dục) có một số đặc điểm cấu trúc tương ứng với các trường dĩ thái và chính cơ thể vật lý. Đối với người có nhãn thông, cấu trúc này xuất hiện như một hào quang nhiều màu, vươn ra khoảng từ 39 đến 45 cm bên ngoài cơ thể vật lý. Trông nó khá giống một đám mây hình trũng sáng rõ bao quanh cơ thể, như thể người đó đang treo lơ lửng trong một bong bóng bán trong suốt với những màu sắc và hoa văn thay đổi.

Màu sắc của hào quang cho thấy không chỉ phẩm tính mà còn cả cường độ của cảm xúc cá nhân, và chúng là thói quen hay chỉ là cảm xúc tạm thời. Do đó, xung đột nội tại trong mỗi người có thể được ghi nhận thông qua sắc thái, mức độ rõ ràng và vị trí của màu sắc. Qua nhiều năm, bà DVK đã học được cách phân biệt ý nghĩa của nhiều sắc thái màu sắc cũng như mức độ tinh khiết hoặc pha trộn với các tông màu khác.

Kết cấu của “thể cảm dục” rất linh hoạt—thường được mô tả như chất lỏng—và có khả năng mở rộng đáng kể, nhưng ngoại vi được thể hiện rõ ràng, ngay cả khi chất liệu của nó hòa lẫn vào trường cảm dục bao quanh không thể nhận ra. Nhịp điệu của hào quang cũng rất quan trọng, vì nó cho thấy mức độ và cách thức tương tác với các trường dĩ thái và thể trí. Ở một người khỏe mạnh, hình dạng của hào quang đồng nhất và rõ ràng, không bị rách hoặc lượn sóng ở viền. Phần hào quang phía trên cơ hoành thường cho biết tiềm năng của cá nhân—đôi khi phát triển, đôi khi không—và thường có màu sáng hơn, ít đậm đặc hơn. Phần bên dưới cơ hoành cho thấy những trải nghiệm đang diễn ra, và ở đây màu sắc thường tối hơn, và kết cấu nặng hơn và chi tiết hơn. Không thể nói là liệu luật hấp dẫn phổ quát có hoạt động trong thể cảm dục hay không, nhưng thực tế là cảm giác nặng hơn hoặc thô hơn dường như bị hút xuống phần dưới của trường cảm dục, trong khi những cảm xúc thanh hơn, mở rộng hơn nằm phía trên vùng tim.

Tất cả những đặc điểm này hé lộ đặc điểm về phẩm tính cá nhân, và cho thấy những bất thường nếu có. Trong nghiên cứu của mình, chúng tôi thường sử dụng một danh sách liệt kê để ghi nhận các quan sát. Danh sách này bao gồm bảy mục: *phẩm tính* (loại năng lượng, mật độ, độ tinh khiết của tông màu), *kết cấu*, *hình dạng* (đối xứng hoặc bất đối xứng), *màu sắc* (và vị trí của nó trong hào quang), *sự chuyển động* (nhịp nhàng hay hỗn loạn), *mối quan hệ* (với thể dĩ thái và thể trí), và *độ sáng*.

Đặc điểm chính của hào quang là tính biến động: màu sắc của nó biến đổi như nhìn qua một

chiếc kính vạn hoa, sắc thái và độ chói sáng cho thấy phẩm tính của cảm xúc. Ở một người bình thường, những đặc điểm này thay đổi theo tâm trạng, và do đó màu sắc lúc óng ả, lúc mờ nhạt, khi sáng khi tối, và năng lượng kích thích chúng biến đổi liên tục. Ví dụ, một người hạnh phúc vì gặp mặt bạn thân sẽ biểu hiện qua hoa văn hài hoà với màu hồng đáng yêu, còn khi tham thiền hay cầu nguyện, màu sắc có màu vàng và xanh biển. Tức giận sẽ cho thấy những tia màu đỏ ở hào quang giống như tia chớp, trong khi nếu đang đau khổ cả trường năng lượng phủ một đám mây màu xám.

Tuy nhiên, có những màu cơ bản đặc trưng cho tình trạng hay mức độ cảm xúc bẩm sinh của mỗi người, và những đặc điểm này thay đổi rất chậm. Ngoài ra, những cảm xúc được duy trì trong một khoảng thời gian dài cũng tạo ra những đặc trưng khá bền vững trong hào quang. Nếu chúng tiêu cực, như trầm cảm hoặc oán hận, chúng có thể ảnh hưởng đến dòng năng lượng, và điều này có những ảnh hưởng sâu rộng tới tình trạng của thể dĩ thái và thể xác. Ví dụ, các trạng thái lo âu xuất hiện như những đám mây xanh xám trong trường cảm dục, được tập trung về phía trung tâm của cơ thể gần luân xa từng thái dương. Điều này làm cho năng lượng cảm dục chảy hướng vào cơ thể, ức chế sự tuần hoàn thông suốt thường có trong toàn bộ trường cảm xúc. Phần xanh xám càng gần với cơ thể vật lý, mức độ lo lắng càng nặng và mức độ tác động của nó càng lớn đối với sức khoẻ. Khi màu này hướng về phía ngoại vi của vòng hào quang, điều này cho thấy sự lo lắng của người đó đang dần được giải tỏa. Hoạt động trong trường cảm dục có thể được so sánh với việc quan sát từ các vệ tinh khí tượng nhằm xác định các khu vực có bão đang hoành hành trong điều kiện bầu khí quyển trái đất liên tục đổi thay. Tương tự như vậy, người có nhãn thông có thể nhận biết được những cơn bão cảm xúc gây rắc rối cho một người khi chúng làm rối loạn vòng hào quang của y.

Màu sắc trong vùng dưới cơ hoành chủ yếu biểu lộ những cảm xúc thông thường—những gì diễn ra trong cuộc sống hàng ngày—trong khi màu sắc ở phía trên cơ hoành, đặc biệt ở vùng xung quanh đầu, cho thấy các đặc điểm mang tính trí tuệ và tinh thần.

Khi cảm xúc không chịu sự kiểm soát hoặc hướng dẫn của bản thể, hoặc không đáp ứng các nguyên tắc đạo đức, chúng có thể xáo trộn và hỗn loạn. Trong những trường hợp như vậy, người đánh đồng bản thân với những cảm xúc của mình có thể phớt lờ tất cả cho các cơn bão xúc cảm và căng thẳng, dao động giữa những thái cực của tình yêu và thù hận, niềm vui và nỗi buồn, hạnh phúc và đau đớn.

Mỗi người liên tục tạo ra những luồng sóng và dòng năng lượng cảm xúc thông qua những cách mà y phản ứng với thế giới xung quanh. Trong phạm vi lân cận, chúng ta “lấp đầy” không gian của chúng ta với những hình ảnh cảm xúc của mình, cho dù tích cực, tiêu cực hay trung tính. Đến phiên mình, những hình ảnh này ủa đến và thúc đẩy chúng ta lặp lại những cảm xúc đã tạo ra chúng. Bằng cách đó, chúng ta phát triển các mô thức thói quen xúc cảm. Chất liệu của thế giới cảm dục rất nhạy cảm và phản ứng nhanh chóng với các hình tư tưởng hoặc hình ảnh mà chúng ta tạo ra thông qua cảm xúc. Những hình ảnh đó có thể tiêu tan như tuyết dưới ánh mặt trời và biến mất, nhưng có những hình ảnh khác có thể bền vững hơn và duy trì dài lâu trong chúng ta; những hình ảnh này thường được người có nhãn thông quan sát thấy xung quanh người tạo ra chúng

Nếu chấp nhận ý tưởng rằng chúng ta là những hệ thống năng động thường xuyên thu nhận và phát ra năng lượng, chúng ta có thể hiểu mức độ mà con người ảnh hưởng đến trường cảm xúc của nhau. Tất nhiên, điều này thay đổi tùy theo mức độ ổn định nội tại và sự tích hợp của cá nhân. Khi một người đánh đồng bản thân với cảm xúc của mình, y đáp ứng dễ dàng, tự nhiên với những cảm xúc của người khác. Y có thể là một người ấm áp và tràn đầy yêu thương, nhưng y cũng có thể trở thành nạn nhân của những rối loạn cảm xúc của người khác.

Trải qua nhiều năm, nhân loại đã tạo ra rất nhiều “sương mù” hoặc rác rưởi trong bầu không gian cảm xúc. Ví dụ, bạo lực đang phổ biến trên thế giới ngày nay liên tục làm tăng thêm sự ô nhiễm của bầu không gian sống này. Những người có thái độ cảm xúc đáp ứng với những tần số tiêu cực như vậy có thể bị mất cân bằng bởi những ảnh hưởng xấu này, do đó xu hướng bạo lực của họ càng trở nên trầm trọng. Về mặt tích cực, khi chúng ta nhìn vào bầu không gian cảm xúc của thế giới ngày nay, chúng ta thấy rằng có nhiều mảnh lực kiến tạo đang hoạt động không ngừng nghỉ. Mong muốn hòa bình thế giới, mối quan tâm về công bằng xã hội, lòng trắc ẩn đối với nạn nhân thiên tai hoặc thảm họa kinh tế, nỗ lực ngăn ngừa bệnh tật và giảm bớt khổ đau cho con người—tất cả những cảm xúc này cộng hưởng với các nguồn lực chữa lành trong trường cảm dục vũ trụ, giúp tạo ra sự hài hòa và trật tự.

Vì thế, chúng ta có thể nói rằng thể cảm dục của mỗi người là kết quả của cả hoạt động xúc cảm cá nhân, dù hữu thức hay vô thức, và mối tương tác với các năng lượng khác trong trường cảm dục nói chung. Mọi người đều có mối liên giao không ngừng nghỉ với người khác và với môi trường nói chung. Sự trao đổi cởi mở này rất quan trọng đối với sức khỏe, thậm chí một môi trường tiêu cực cũng không phải là gây tổn hại nếu người tham gia tiếp tục duy trì sự kết nối. Giống như tất cả các trường khác, trường cảm dục là phổ quát, và do vậy trong nó không có rào cản thực sự, mặc dù điều kiện cục bộ có thể tăng cường hoặc ngăn trở dòng chảy của nó. Theo đó luôn có những yếu tố thanh lọc và tăng cường năng lượng trong mọi môi trường, ngay cả ở những nơi như bệnh viện và nhà tù, vì mỗi người đều có thể vượt ra ngoài hoàn cảnh hiện tại của mình để hòa vào một tổng thể tự nhiên.

Tuy nhiên, chúng ta cũng thu hút các yếu tố trong môi trường về phía mình, vì những gì giống nhau sẽ thu hút nhau. Hoạt động xúc cảm hữu thức thiết lập các mô hình tương tác có thể tạo nên sự thay đổi trong hào quang của một người sau một khoảng thời gian. Hào quang cá nhân hoặc thể cảm dục cũng chịu tác động bởi nhiều loại cảm xúc ảnh hưởng đến nó. Do đó, môi trường cảm dục của chúng ta có những ảnh hưởng tinh vi nhưng rất đáng kể lên chúng ta.

Năng lượng cảm xúc là một nguồn sức mạnh có thể xây dựng hoặc phá hủy, tùy thuộc vào việc sử dụng nó thế nào. Khi được kiểm soát và hướng dẫn bởi bản thể, nó có thể thực sự trở thành một nguồn lực sáng tạo cho sự thay đổi và tăng trưởng. Ở giai đoạn phát triển của con người hiện nay, vấn đề này thường không được hiểu theo nghĩa đó, nhưng sự quan tâm hiện tại đối với tham thiên đang bắt đầu cho chúng ta thấy sức mạnh của những cảm xúc tích cực, chẳng hạn như tình bác ái, đối với sự tự chuyển hóa.

Những người có nhãn thông như bà DVK có thể nhìn rất rõ các chi tiết của hào quang cảm dục, nhưng nhiều người nhạy cảm chỉ có thể cảm nhận thể giới cảm dục một cách chung chung. Đôi khi sự nhạy cảm đó không được kiểm soát, và điều này có thể gây ra những khó khăn. Ví dụ, một người có thể cố ý hoặc vô tình hòa nhập vào cảm xúc của người khác một cách mạnh mẽ đến mức y cảm nhận được về mặt vật lý nỗi đau đớn và khổ sở mà người khác trải qua. Nhiều y tá và những người có khả năng chữa lành tự nguyện mở lòng ra như vậy, bằng cách cảm thông và cảm xúc được sự đau đớn của bệnh nhân. Nếu nguyên nhân của hiện tượng này không được nhận ra, những người như vậy có thể bị coi là mắc chứng nghi bệnh, bởi vì các triệu chứng thể chất có thể thay đổi liên tục. Trên một phương diện khác, năng lực này có thể rất có giá trị giúp bác sĩ chẩn đoán nguồn gốc của bệnh tật. Một người có thể biến khả năng làm xáo trộn gây nên tình trạng cạn kiệt về cảm xúc thành một tài năng đầy giá trị, nếu nhận ra rằng y sở hữu một dạng thức giác quan cảm nhận cao hơn có thể được kiểm soát.

Các Luân Xa Cảm dục

Trong thể cảm dục có bảy trung tâm hay luân xa cảm dục chính, tương ứng với các luân xa ở thể dĩ thái. Cũng giống như các luân xa dĩ thái thu hút năng lượng của thể dĩ thái vũ trụ, các luân xa này cùng mở ra đại dương năng lượng cảm dục mà mọi sinh linh đều đắm chìm trong đó.

Khi năng lượng cảm dục luân chuyển vào ra các luân xa từ trường vũ trụ, nó cung cấp năng lượng và sắp xếp thể hay hào quang cảm dục. Các luân xa cảm dục có cấu trúc hình cánh hoa xung quanh lõi trung tâm tương tự như luân xa dĩ thái. Giống như các luân xa dĩ thái, năng lượng lưu chuyển vào lõi trung tâm, thông qua các cánh hoa và lại chảy ra hòa lẫn vào đại dương năng lượng cảm dục. Đối với con người, phẩm tính của thể cảm dục hoặc mô hình trường cá nhân phụ thuộc vào cung điệu và phẩm tính cảm xúc. Con người kết nối với trường vũ trụ, hấp thu những năng lượng đặc biệt mà nó hòa điệu, và lọc bỏ những năng lượng lạ, giống như một sinh vật chỉ xử lý những tài nguyên mà nó có thể sử dụng. Như vậy tất cả chúng ta để lại dấu ấn cảm xúc của chúng ta trên cõi giới cảm dục, và ảnh hưởng đến đặc tính chung của trường vũ trụ, cho dù mức độ ảnh hưởng chỉ vô cùng nhỏ bé so với tổng thể.

Các luân xa cảm dục cũng có mối liên giao với các luân xa ở thể dĩ thái, qua đó kết hợp hai trường năng lượng. Tùy thuộc vào sự phát triển và mức độ tích hợp của mỗi người, các luân xa này tạo nên một dòng năng lượng hài hòa và nhịp nhàng, hoặc ngược lại, một mô hình hỗn độn và rối loạn, biểu đạt một số bất ổn về cảm xúc. Ví dụ, lo lắng trường kỳ tạo ra sự xáo trộn trong luân xa tùng thái dương trong trường cảm dục; tiếp theo, xáo trộn này lại tạo ra những bất ổn trong luân xa tương ứng ở thể dĩ thái, và ảnh hưởng trực tiếp đến đường tiêu hóa và gan.

Các luân xa cảm dục luôn sáng hơn các luân xa dĩ thái, nhưng đồng thời cũng khó hơn để mô tả chúng một cách chính xác về các đặc tính như kết cấu. Chúng rất ít hoặc hầu như không có độ đàn hồi, vì vậy dường như khá ổn định. Đôi khi các luân xa dĩ thái và cảm dục có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong khi luân xa thể trí bất hài hòa với chúng; Nếu màu xám xuất hiện nhiều ở luân xa cảm dục, điều này cho thấy có sự tắc nghẽn giữa trường cảm dục và thể trí. Khi đánh giá

các luân xa cảm dục, bà DVK đặc biệt chú ý đến mức độ hài hòa giữa các luân xangoài việc ghi nhận liệu một luân xa có quay nhanh hơn hay chậm hơn các luân xa khác hay không. Nếu thể cảm dục nhìn chung bị xáo trộn, năng lượng sẽ chảy về phía một luân xa nhất định, thường là luân xa tùng thái dương. Điều quan trọng không kém đối với sức khỏe là phải có sự hài hòa giữa các luân xa cảm dục và dĩ thái. Giữa các luân xa cảm dục và dĩ thái nếu có nhịp điệu hài hòa và ổn định, điều đó chứng tỏ một mối quan hệ nội tại tốt, trong khi sự bất hài hòa và bất cân bằng có thể dẫn đến bệnh tật.

Một sự đứt đoạn trong các cánh hoa hoặc lõi trung tâm của một trong những luân xa cảm dục sẽ dẫn tới sự rò rỉ năng lượng, và làm cho luân xa đó và năng lượng cung cấp cho phần tương ứng của cơ thể dễ bị tổn thương hơn; Điều này có thể hoặc không dẫn đến bệnh tật hoặc một số tình trạng thể chất tồi tệ.

Luân xa Đỉnh đầu

Không giống như thể dĩ thái, thể cảm dục không có các đối phần tương ứng rõ ràng trong cơ thể vật lý, chẳng hạn như lá lách hoặc đường tiêu hóa. Tuy nhiên, giữa chúng có sự trao đổi năng lượng. Ví dụ, nếu luồng năng lượng cảm dục ở luân xa đầu của một người mờ đục, y rất có thể bị các rối loạn tâm thần nghiêm trọng hoặc thậm chí là thiếu năng trầm trọng. Ngược lại, nếu thể dĩ thái và thể cảm dục tương đồng về màu sắc và độ sáng, điều này cho thấy các hoạt động tư duy rõ ràng và sống động. Phản ảnh (reflection) của tuyến tùng có thể có màu vàng trong thể cảm dục, nhưng không có đối phần thực sự của bộ phận cơ thể này.

Luân xa Cuồng hộng

Luân xa này đặc biệt liên quan đến nhịp điệu và âm thanh. Ở những người có Nhĩ thông, hoặc nhạy cảm với những âm thanh mà thính giác bình thường không nghe được, những cánh hoa của luân xa này sẽ lớn hơn trung bình và rực rỡ hơn. Khi chẩn đoán, yếu tố chính cần được tìm kiếm trong mối quan hệ với luân xa này là mức độ hài hòa của nó với luân xa dĩ thái.

Luân xa Tim

Ở những người tham thiền đều đặn, luân xa tim lớn hơn bình thường, vì nó dễ mở rộng. Nó cũng có xu hướng sáng hơn, và chuyển động nhịp nhàng được đẩy nhanh hơn. Mối liên hệ với các cấp độ tâm thức cao hơn (được mô tả trong Chương VII) cũng rõ ràng hơn.

Luân xa Tùng Thái dương

Đây là trung tâm năng lượng cảm xúc tích cực nhất trong đa số mọi người. Đó là cầu nối giữa cảm xúc và thể vật lý/ thể dĩ thái, mối liên hệ gần gũi nhất của nó là với dạ dày và toàn bộ đường tiêu hóa. Bà DVK đã giả thuyết rằng luân xa tùng thái dương cảm dục hoạt động như một cơ quan hấp thụ mạnh mẽ giữa năng lượng cảm dục đi vào và năng lượng phân phối cho toàn cơ thể.

Màu sắc của luân xa này có phần nào biến đổi: ở một người có tầm mức chinh hợp cao, màu xanh lá cây cho thấy sự cân bằng; Sự cảm thông hoặc khả năng thích ứng lại cho sắc màu khác; Màu vàng pha lẫn màu xanh lá cho thấy mối quan tâm trong việc thể hiện ý tưởng dưới dạng vật chất. Thông thường các nhà phát minh và nhà thiết kế có tổ hợp màu này. Ngoài ra có những sắc màu hoàn toàn khác, màu xanh vàng vọt thể hiện sự ghen tị, trong khi màu vàng pha với màu xám cho thấy sự thất vọng liên quan đến công việc.

Luân xa Gốc (Gốc cột sống)

Luân xa này có liên quan chặt chẽ với luân xa đỉnh đầu và do đó gắn liền với sự phát triển tinh thần của mỗi cá nhân. Nếu có sự hòa hợp giữa hai luân xa này, năng lượng đi lên từ luân xa gốc mà không có trở ngại hay xáo trộn gì, đặc biệt trong trường cảm dục và dĩ thái.

Cột sống và Não bộ Cảm dục

Năng lượng cảm dục bình thường **đi vào trường cá nhân thông qua luân xa tùng thái dương, và có thể đi chuyển theo hai hướng, tùy thuộc vào việc dòng chảy của nó dọc theo “cột sống” cảm dục có tắc nghẽn hay không, cột sống là nơi các luân xa bắt rễ. Trong một trạng thái bình thường, khỏe mạnh, năng lượng cảm dục sẽ chảy hướng lên đầu, nhưng nếu bị cản trở nó sẽ quay lại và chảy xuống, làm tăng hoạt động tính dục.** Đồng thời sẽ có sự giảm sút năng lượng cảm dục trong não bộ, dẫn đến những xáo trộn trong sự kiểm soát cân bằng.

Năng lượng cột sống cảm dục giống như đối phần tương ứng của nó ở thể dĩ thái, **xuất phát từ luân xa gốc và chảy ngược lên hành tủy theo ba dòng tương ứng với ida, pingala và sushumna.** Bà DVK đã mô tả những điều này như sau: **Dòng bên phải của cột sống đi từ bên phải của lõi luân xa gốc và chảy ngược lên phía sau đầu theo dòng chảy rộng gần một centimet. Nó có màu xanh lơ (trong khi đối phần tương ứng ở thể dĩ thái có màu xanh biển pha xanh lá). Dòng bên trái của cột sống giống hệt dòng bên phải, nhưng nó có màu hồng (trong khi đối phần ở thể dĩ thái màu vàng đỏ sẫm). Năng lượng chảy dọc trung tâm cột sống xuất phát từ chính giữa luân xa gốc, đi chuyển lên và rẽ làm hai nhánh khi tới gần hành tủy, khi đó hai nhánh đan chéo nhau, năng lượng bên phải đi tới não trái, và năng lượng bên trái đi tới não phải. Dòng trung tâm cột sống này sáng hơn hai dòng kia, màu trắng sữa và đa sắc, với màu vàng và cam làm chủ đạo.** Nếu dòng chảy này có màu vàng rực rỡ, điều này cho thấy trạng thái sức khỏe tốt.

Về não bộ, năng lượng ở thể cảm dục có cấu tạo khác với thể dĩ thái, và dường như có mối liên hệ nào đó giữa tiểu não, tuyến tụy và luân xa đỉnh đầu. Năng lượng thường tập trung rất lớn ở não trong thể cảm dục.

Người đọc chắc chắn nhận thấy rằng chúng tôi đã không mô tả chức năng của tất cả các luân xa cảm dục. Điều này là bởi nghiên cứu của chúng tôi chỉ giới hạn trong các phần của cơ thể có liên quan tới các luân xa cụ thể đã đề cập ở trên. Các luân xa và bộ phận khác chúng tôi không mô tả.

VII. Các cấp độ cao hơn của Tâm thức

Khía cạnh hay mặt thứ ba của bản thể cá nhân là công cụ thông qua đó cái trí có thể biểu hiện; Trong giáo lý Thông Thiên Học và bí truyền, khía cạnh này thường được gọi là thể trí. Như đã đề cập ở trên, cũng giống như thể cảm dục có tần số và mức độ tinh tế cao hơn so với thể dĩ thái, thể trí cũng tinh tế hơn và chuyển động với tốc độ nhanh hơn so với thể cảm dục. Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng trường thể trí thâm nhập vào cả thể cảm dục và thể dĩ thái ở mọi góc độ, và thể trí cũng phù hợp về mặt cấu trúc với những dẫn thể này. Phạm vi thể trí liên tục tác động tới các khía cạnh khác của phạm ngã trong suốt cuộc đời, và năng lượng của nó thấm đẫm mọi kinh nghiệm, ngay cả khi chúng ta không tham gia vào công việc mang tính trí tuệ, hoặc thậm chí không suy nghĩ một cách có ý thức. Năng lượng từ bể chứa vô tận của trường thể trí vũ trụ đổ vào các luân xa thể trí, lưu thông qua hệ thống luân xa thể trí theo cách thức giống như ở thể cảm dục và thể dĩ thái. Nhưng thể trí phức tạp hơn thể tình cảm; Trên thực tế, nó có hai khía cạnh hay chức năng chính tạo nên sự khôn ngoan, sáng tạo và năng lực nhận thức của tâm trí, đồng thời nó cũng có thể dẫn chúng ta vào lý luận sai lầm và ảo tưởng. Do tính chất đa dạng của nó, thói quen và mô hình của thể trí có thể ảnh hưởng xấu đến quá trình bệnh tật, nhưng nó cũng có thể là một nguồn lực mạnh mẽ cho sức khỏe, sự tăng trưởng và thay đổi.

Ở mức độ kinh nghiệm hàng ngày, thể trí là công cụ tích hợp và diễn giải luồng dữ liệu cảm ứng tràn vào chúng ta từ mọi hướng. Tất cả những dữ liệu này được xử lý và đánh giá bởi não bộ/tâm trí và quyết định hành vi của chúng ta. Khía cạnh này của thể trí mang lại những hiểu biết chung cho tất cả chúng ta trong công việc và cuộc sống hàng ngày, và nhận thức được mối quan hệ giữa sự vật, con người và các sự kiện mang lại ngữ cảnh và ý nghĩa của các hiện tượng.

Trí trừu tượng hiểu được ý nghĩa của một trật tự cao hơn: những ý tưởng mang lại ý nghĩa cho các sự kiện; tính đồng nhất ẩn sau sự khác biệt trong cuộc sống; cấu trúc, tỷ lệ, sự cân bằng, hài hòa, trật tự và tính hợp lý của tự nhiên; mối quan hệ giữa cuộc sống con người và trái đất, cũng như giữa cá nhân và nhân loại. Khía cạnh này của thể trí là một thuộc tính của con người trong vũ trụ, mặc dù nó có thể không phát triển đồng mức ở tất cả mọi người.

Thể trí của con người có hình dáng giống như thể cảm dục, nhưng nó lớn hơn khá nhiều và ít đậm đặc hơn. Màu sắc và phẩm tính của nó là những chỉ dẫn rõ ràng về mối quan tâm của mỗi cá nhân và năng lực tinh thần, cho dù tiềm ẩn hay bộc phát, vì đôi khi năng lực chúng ta sở hữu từ lúc sinh ra không phát triển trong suốt cuộc đời. Tất cả điều này đều thể hiện trong thể trí, giống như hào quang cảm dục cho thấy chính xác cuộc sống cảm xúc của mỗi người.

Bởi vì trường thể trí và cảm dục có mối quan hệ gắn gũi chặt chẽ, thể trí được tô màu bởi cảm xúc, giống như những cảm xúc được điều chỉnh bởi tư duy. Đây là một đặc tính phổ quát, nhưng khi nó không cân bằng hoặc nằm ngoài tầm kiểm soát, tình trạng này có thể trở thành bệnh lý. Tuy nhiên, nếu thể trí không bị cản trở bởi những căng thẳng tinh thần, nó là một công cụ tế vi và linh

hoạt để tích hợp và hấp thu mọi cấp độ kinh nghiệm cá nhân: thể trí, thể tình cảm và thể vật lý.

Bộ não vật lý, giống như một siêu máy tính, ghi nhận, lưu trữ và thu thập những gì mà thể trí phát hiện hoặc tạo ra. Quan điểm về mối quan hệ giữa não bộ và thể trí phát triển từ nghiên cứu của chúng tôi rất khác so với quan điểm về vấn đề này trong lý thuyết tâm sinh lý học. Việc rút ra ý nghĩa và giải thích kinh nghiệm hoàn toàn không phải là sản phẩm của hoạt động não bộ, mà bắt nguồn từ một mức độ sâu hơn của bản thể. Hiểu biết sâu sắc này sau đó được thể trí phát triển một cách hợp lý, liên hệ đến các kiến thức khác, trong khi não, là công cụ của thể trí khí cụ vật lý, có chức năng ghi nhận thông tin. Nói cách khác, thể trí phụ thuộc vào bộ não để thể hiện trên cõi trần, nhưng nó cũng vượt qua cơ chế của não bộ và ở mức độ nào đó có thể bù đắp cho những hạn chế của não bộ.

Thể trí vươn ra khoảng 90cm (3 feet) bên ngoài cơ thể vật lý, và thâm nhập cả hai thể dĩ thái và cảm dục. Cá nhân cảm biết được “cái tôi” theo tư duy hơn là theo cảm xúc thường có thể trí sáng hơn và sống động hơn mức trung bình, và có kết cấu mịn hơn. Một người như vậy khi đang sử dụng thể trí, năng lượng chuyển động ra vào các luân xa thể trí nhanh hơn, và toàn bộ thể trí trở nên sinh động và sáng rõ hơn.

Tốc độ năng lượng lưu chuyển vào ra các luân xa, độ tươi tắn của màu sắc, nhịp điệu và độ sáng của các luân xa khác nhau cho thấy phẩm chất của thể trí và các lãnh vực phát triển đặc biệt.

Khi mối quan hệ giữa thể trí thông qua thể cảm dục tới thể dĩ thái hài hòa, luồng năng lượng qua các luân xa luân chuyển nhịp nhàng và thông suốt. Thật không may, nhiều người đang phải đối mặt với những bão tố tâm lý và căng thẳng về tinh thần thường xuyên, và điều này ảnh hưởng tiêu cực tới các thể dĩ thái và thể vật lý. Năng lượng ở cấp độ trí tuệ được thải ra với tốc độ nhanh hơn, biến động nhiều hơn so với các năng lượng cấp thấp. Trên thực tế, khi năng lượng tích cực lưu chuyển vào ra, chúng sẽ làm trường xung quanh một người sáng lên và điều này ảnh hưởng tương ứng đến môi trường của người đó theo tỷ lệ tương ứng với sức mạnh của ý nghĩ. Vì vậy, các tư tưởng có được tiếp thêm sức mạnh tinh thần sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ tới các cá nhân khác. Điều này có thể có hoặc không liên quan trực tiếp đến độ chân thực của chính ý tưởng: những ý tưởng vĩ đại đứng vững qua những thử thách của lịch sử và góp phần vào sự phát triển của văn hoá con người, nhưng những ý tưởng sai lầm có thể chi phối những nhóm lớn khi chúng được dựng lên bằng sức mạnh và niềm tin to lớn, như trường hợp của Đức quốc xã.

Sức mạnh chuyển hóa của tư tưởng khi nó được củng cố bởi niềm tin được biết đến rất nhiều. Sự chuyển hóa trong tôn giáo là một ví dụ, nhưng ở mức độ thấp hơn, khả năng phá vỡ thói quen lâu dài, chẳng hạn như hút thuốc lá, là kết quả của sức mạnh của tâm trí để thay đổi hành vi. Chúng ta không còn tin vào câu châm ngôn “tôi suy nghĩ, vì thế tôi đang tồn tại”, nhưng chúng ta nhận ra rằng những gì chúng ta nghĩ ảnh hưởng mạnh mẽ đến chính ta, dù là cá nhân, thành viên của các tổ chức hay công dân của một quốc gia. Trên thực tế, mục đích hoặc đặc tính của quốc gia phần lớn phụ thuộc vào cách mà người dân nước đó suy nghĩ về mình.

Những ý tưởng được truyền đi rộng khắp như thế nào? Tác động này phần nào đạt được thông

qua phát biểu và tranh luận trên giấy mực, và thậm chí mạnh hơn thông qua việc chia sẻ một tầm nhìn chung hoặc quan điểm thế giới dựa trên hình ảnh tinh thần mạnh mẽ. Một hình ảnh tinh thần như vậy đã được biết đến như là một hình tư tưởng. Sự lan tỏa của những ý tưởng đạt được thông qua năng lực tâm trí trong việc tạo dựng một hình ảnh mạnh mẽ được xác định rõ ràng trong thể trí, và sau đó hướng về phía đối tượng của nó một cách rõ ràng và mãnh liệt. Khả năng phóng tư tưởng một cách rõ ràng là một yếu tố quan trọng để đạt được thành công trong đào tạo, cũng như trong đời sống chính trị. Nhưng khả năng tạo ra những hình tư tưởng mạnh mẽ cũng có thể tác động ngược lại chúng ta một cách tiêu cực, nếu chúng trở nên quá cứng nhắc, chúng có thể bao quanh và giam hãm chúng ta trong một bức tường do chính chúng ta tạo ra, do đó ngăn chặn sự xâm nhập của những ý tưởng mới và năng lượng tinh thần tươi sáng. Sau đó chúng ta biến thành các nhà tư tưởng hoặc những kẻ cuồng tín, bác bỏ tất cả ngoại trừ những cách diễn giải của chính mình về chân lý.

Một số người thông nhãn có thể nhìn thấy các hình tư tưởng trong thể trí của một người. Một cuộc thảo luận với bà Phoebe Payne Bendit, người đã được thừa nhận là có năng lực nhãn thông cao thông qua luyện tập, đã giúp làm sáng tỏ vấn đề này. Bà đã kể lại trường hợp của một người đàn ông đã gặp bà và tuyên bố anh đã bị một số nhạc sĩ vĩ đại đã qua đời ám, và những người có nhãn thông khác đã khẳng định yêu cầu này. Nhưng khi bà Phoebe Bendit quan sát anh một cách cẩn thận, bà nhận thấy rằng những hình ảnh này không phải là những nhạc công đã mất từ lâu, mà là những tư tưởng do chính anh đã tự nhồi vào đầu với những hy vọng và mong muốn của riêng mình. Bà cảnh báo gia đình anh ta rằng anh đang có nguy cơ mắc một căn bệnh tâm thần nghiêm trọng, và rất tiếc điều này đã thành hiện thực vài tháng sau đó, khi anh được chẩn đoán là bị bệnh tâm thần phân liệt và phải nhập viện tâm thần.

Khi được hỏi làm thế nào bà phân biệt hình tư tưởng của bệnh nhân và một thực thể cảm dục thực sự, bà Bendi trả lời: “Làm thế nào bạn có thể phân biệt giữa một người sống và một bức tượng? Bạn không thấy rõ ràng một đối tượng sống động và đối tượng kia thì không à? Điều này cũng đúng trên cõi cảm dục và cõi trí. Một người thực sự, cho dù đã chết, có phẩm chất sinh lực của mình, vì vậy anh ta di chuyển, thay đổi và đáp ứng với những gì đang xảy ra. Ngược lại, một hình tư tưởng là vô hồn và tĩnh lặng, và năng lượng của nó đến từ trường cảm dục và thể trí của cá nhân người tạo ra nó”.

Ưu điểm lớn của việc có thể nhìn thấy các hình tư tưởng là chúng ta biết được những gì chúng ta tạo ra, và do đó có thể thay đổi chúng thành các hình ảnh xây dựng hơn. Nhưng ngay cả khi chúng ta không thể nhìn thấy chúng qua nhãn thông, một khi đã nhận ra rằng những suy nghĩ của chúng ta có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến người khác và chúng ta tiếp thêm năng lượng cho chúng bằng cảm xúc của mình, chúng ta bắt đầu thấy có trách nhiệm về những tư tưởng mà trước đây chỉ tạo ra hành động của mình, và thực sự thừa nhận rằng suy nghĩ *chính là* một cách thức hành động, ở chỗ chúng ảnh hưởng đến hành vi thái độ.

Tác dụng của sự hình dung

Khả năng sử dụng tâm trí của chúng ta một cách tích cực để đạt được sức khỏe và sự chuyển hoá cá nhân là chủ đề của hàng trăm cuốn sách hiện đang được đưa ra cho công chúng. Hầu hết các phương pháp gợi ý này có thể được sử dụng để đạt được một mức độ thành công nhất định, vì chỉ cần có niềm tin xác quyết rằng người ta có thể tác động đến sự thay đổi và tăng trưởng cá nhân là đủ để bắt đầu quá trình chuyển đổi. Vì sự quan tâm đến nhiều hình thức sử dụng kỹ thuật hình dung và các phương pháp thư giãn và/ hoặc thiền định khác nhau, chúng tôi đã tiến hành một nghiên cứu tìm hiểu về cách học viên sử dụng một số kỹ thuật này.

Chúng tôi phát hiện ra rằng một vài người trong nhóm chúng tôi nghiên cứu không có khả năng tạo ra một hình ảnh trong tâm trí. Khi họ nhắm mắt lại, họ chẳng thấy gì ngoài sự trống rỗng và bóng tối. Tuy nhiên, hầu hết học viên đều có thể giữ cho tâm trí chú ý đến đối tượng họ được yêu cầu hình dung, chẳng hạn như khuôn mặt của một người bạn hoặc một hình ảnh hình học có màu sắc đơn giản. Khi họ được hỏi về cách họ nhìn thấy hình ảnh trong tâm trí này, hầu hết trong số họ đều cho biết họ đã hình dung ra đối tượng đó ở bên ngoài mình, cách mắt khoảng hai mươi centimet, như thể đang đọc một quyển sách. Những người khác báo cáo rằng họ quan sát vật thể bên trong đầu của họ, thường là ở thùy não trước, và rất ít người cho biết họ đã nhìn thấy hình ảnh ở não sau thuộc vùng chẩm. Cũng có một nhóm rất nhỏ nói rằng họ không chỉ nghĩ đến đối tượng được yêu cầu hình dung mà còn có thể thấy nó như một bức tranh sáng lên trước mắt họ mà không có nơi chốn cụ thể.

Trong hầu hết các trường hợp, hình ảnh tinh thần là hình ảnh tĩnh. Mặc dù duy trì hình ảnh như vậy có thể là một bài tập tuyệt vời cho việc tập trung tinh thần, nó sẽ ít có ảnh hưởng đến thể trí, thể cảm dục và thể dĩ thái trừ khi nó được tiếp năng lượng và trở nên năng động. Ví dụ, nếu một người cảm thấy buồn bã và được yêu cầu hình dung một hình tròn màu xanh lá trên khu vực tùng thái dương để giúp anh ta ổn định lại, người ta nên hình dung một thứ ánh sáng màu xanh lá chảy vào luân xa tùng thái dương của mình và sau đó làm cho toàn bộ vùng bụng trở nên hài hòa. Nói cách khác, để hình tư tưởng có hiệu quả, cần duy trì tính năng động của nó.

Trong một thí nghiệm khác, bà DVK đã được yêu cầu quan sát ảnh hưởng lên luân xa cuống họng của VPN khi cô hình dung các hình dạng hình học và màu sắc nhất định. Bà DVK không được cho biết các biểu tượng đang được sử dụng, mà chỉ đơn thuần là quan sát ảnh hưởng của chúng đối với các luân xa, điều này ít nhiều đã hé lộ bí mật.

Lúc đầu, cô VPN đã hình dung ra một vật thể hình kim cương màu tím xanh sẫm với kích thước vài centimet và được định vị trước luân xa cuống họng. Bà DVK ghi nhận không có tác động nào được tạo ra. Biểu tượng thứ hai được hình dung là một vật thể hình kim cương có màu vàng óng. Bà DVK ghi nhận rằng hình ảnh đã làm tăng tốc nhẹ sự chuyển động của luân xa cuống họng, nhưng hiệu quả đó rõ ràng hơn ở thể cảm dục so với thể dĩ thái, nơi mà biểu tượng dường như không chạm tới lõi luân xa. Khi một vật thể hình kim cương màu xanh bạc được hình dung, nó cũng ảnh hưởng đến luân xa cảm dục mà không tới luân xa dĩ thái. Kết luận dường như là khi hình dung chỉ là một bài tập tâm trí thuần túy, nó dường như không ảnh hưởng đến các luân xa. Ngược lại, các luân xa sẽ chịu ảnh hưởng tích cực với việc hình dung một biểu tượng có ý nghĩa

nội tại đáng kể đối với người thực hành, như được chứng minh qua việc sử dụng hiệu quả kỹ thuật hình dung đối với người bệnh.

Các luân xa Thể Trí

Các luân xa trong thể trí tương ứng với các luân xa thể cảm dục và thể dĩ thái, chuyển hóa năng lượng và đóng vai trò như những phương tiện trao đổi với trường trí tuệ vũ trụ. Mỗi luân xa thể trí cũng có mối liên hệ mật thiết với các luân xa đối ứng ở cõi cao hơn ở cấp độ trực giác (cõi bò đề). Tất cả cùng nhau tạo thành một hệ thống tích hợp chặt chẽ có thể được hình dung như một mạng lưới 4 chiều, trong đó các dòng năng lượng di chuyển theo chiều ngang qua các hệ thống luân xa và theo chiều dọc giữa các cấp độ khác nhau. Năng lượng ở thể trí chuyển động nhanh hơn và ở tần số cao hơn thể cảm xúc, giống như ở thể cảm xúc cao hơn thể dĩ thái.

Năng lượng của trường thể trí sẽ giảm áp khi nó đi qua các luân xa, và bằng cách này nó có ảnh hưởng trực tiếp đến cơ thể vật lý nếu nó không bị chặn ở thể cảm dục, điều này đôi khi cũng xảy ra. Tần số năng lượng chảy vào các luân xa phụ thuộc vào sự phát triển thể trí của mỗi cá nhân. Nếu có sự xáo trộn tại một trong các luân xa thể trí, nó sẽ được truyền đến thể cảm dục và dĩ thái, nhưng thường thì sự xáo trộn xảy ra ở thể cảm dục. Sự xáo trộn của thể cảm dục sẽ không chỉ ảnh hưởng đến luân xa dĩ thái mà còn ức chế năng lượng đến từ thể trí. Toàn bộ quá trình này rất phức tạp.

Khi có một mối quan hệ hài hòa giữa các thể khác nhau của phạm ngã, năng lượng sẽ luân chuyển từ thể này sang thể khác nhịp nhàng và thông suốt. Thật không may, sự cân bằng giữa các thể khá ít khi tồn tại, vì sự hòa hợp bị gián đoạn với nhiều lý do: căng thẳng, lo lắng, cứng nhắc về tinh thần và cảm xúc bấn loạn, là một số ví dụ. Nếu những điều kiện như vậy xảy ra, cơ thể vật lý cuối cùng sẽ bị ảnh hưởng xấu.

Giống như các luân xa cảm dục, tốc độ mà năng lượng chuyển động vào và ra khỏi các dòng xoáy, độ rực rỡ của màu sắc, nhịp điệu và độ sáng của các luân xa khác nhau cho thấy chất lượng và sức mạnh khác nhau của thể trí, và các lĩnh vực hay năng lực phát triển đặc biệt khác nhau.

Thể Nguyên Nhân

Mặc dù thể nguyên nhân không phải là chủ đề của các nghiên cứu của chúng tôi, nhưng bà DVK đã không thể đôi khi không nhắc đến nó vì thực tính cơ bản trong mỗi con người là cái mà chúng ta gọi là Bản thể, mặc dù nó còn được gọi là Linh hồn hay Tinh thần. Lớp vỏ bọc cao nhất của Bản thể, được biết đến như là bò đề (sự thấu hiểu, thông tuệ, “sáng suốt” hay *bát nhã, prajna*), được gọi là “nguyên nhân “vì, theo giáo lý huyền môn, nó mang ý chí căn bản của Bản thể để tồn tại, và đây chính là nguyên nhân rốt ráo cho sự tồn tại của chúng ta.

Dù dưới tên gọi nào, đây là khía cạnh thực sự, bền bỉ của thực tính hiện hữu trong mỗi chúng ta – thứ vẫn trường tồn qua tất cả những thay đổi và thăng trầm của cuộc đời mỗi người, mang lại ý nghĩa và sự tiếp nối liên tục.

Khía cạnh tinh thần này là cội nguồn của tất cả những gì tốt đẹp nhất trong chúng ta, và có thể gây ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự tăng trưởng và tự chuyển hoá. Theo thuyết luân hồi, những thành quả của kinh nghiệm mà chúng ta đã biến đổi thành những phẩm chất lâu dài đánh dấu sự tăng trưởng hay tiến hóa cá nhân. Những kinh nghiệm này được giữ lại từ kiếp sống này qua kiếp sống khác trong thể nguyên nhân, trở thành tổ hợp những phẩm chất cao nhất của bản thể: tuệ minh, trực giác, sáng tạo, ý chí, khát vọng hướng tới Thượng đế, và những hình thức tinh khiết nhất của tình yêu và lòng từ bi. Nó có thể được coi là dẫn thể thực sự của sự tự nhận thức, nếu theo đó chúng ta muốn nói đến ý thức vũ trụ tập trung vào bản thể cá nhân.

Theo quan sát nhãn thông, thể nguyên nhân mờ nhạt và thanh nhẹ, với màu sắc óng ánh như ở một bong bóng xà phòng. Nó được người Hy Lạp gọi là Augoeides, phát xạ chói sáng của Bản thể tinh thần, trong đó cuộc sống nhập thể chỉ là cái bóng. Nhưng nó còn được gọi là “nguyên nhân” vì nó tập hợp những thành quả của cuộc đấu tranh và hy sinh của chúng ta để phát triển trong minh triết, và trong chúng ẩn chứa những nguyên nhân thực sự cho việc chúng ta đang ở đây và bây giờ—những hạt giống của những phẩm tính của trí tuệ và trái tim của chúng ta. Ở cấp độ này, Bản thể không bị hạn chế bởi những giới hạn thông thường về thời gian, không gian và mối quan hệ nhân quả, mà có thể trải nghiệm được tính phổ quát của cuộc sống và nhận thức được những ý nghĩa và mối liên hệ thường bị giấu kín trong sự tồn tại ở thể hồng trần.

Thể nguyên nhân không phân rã sau khi chết một thời gian như thể cảm dục và thể trí, mà nó tồn tại từ kiếp sống này đến kiếp sống khác. Ở Tây Tạng, tulku hay “hóa thân” được cho là các vị lạt ma hay đại sư được tái sinh nhiều lần với khả năng lưu giữ những ký ức và năng lực mà họ có trước đây. Mặc dù các trường hợp như vậy rất hiếm, nhưng trong thể nguyên nhân có sự chất lọc của tất cả kinh nghiệm đã trải qua, và bởi vì nó luôn tồn tại, những người có khả năng nhận biết có thể tiếp cận các thông tin lưu trữ này.

Trong trường hợp một số bệnh nhân của chúng tôi mà bà DVK thấy rõ rằng những vấn đề gặp phải bắt nguồn từ các cấp độ cao hơn thể xác, tình cảm hoặc thậm chí là thể trí, và bà tìm kiếm lời giải thích sâu sắc hơn trong thể nguyên nhân.

3. NHÃN THÔNG NHƯ MỘT CÔNG CỤ CHUẨN ĐOÁN

VIII. Cơ sở của Nghiên cứu bằng nhãn thông

Những tư liệu thu được từ việc nghiên cứu bằng thông nhãn trong thế kỷ này còn sơ sài, và những tài liệu có được phần lớn được phát triển nhờ sự chủ động cá nhân, mà không có mấy sự chú ý đến nhu cầu xác thực. Do vậy, mặc dù có một số tài liệu về việc nghiên cứu bằng nhãn thông tồn tại nhưng đó không phải là loại tài liệu gây chú ý cho giới khoa học. Tuy nhiên, điều quan trọng cần lưu ý là dù năng lực thông nhãn là hiếm có nhưng đây chắc chắn không phải là một hiện tượng xảy ra hoàn toàn tách biệt. Vì lý do này, một cuộc khảo cứu về dữ kiện lịch sử mà chúng tôi có được có thể được dùng như nền tảng cho nghiên cứu đưa ra ở đây.

Chúng tôi sẽ giới hạn bản thân vào việc nghiên cứu những người phương Tây đã từng kiểm nghiệm những khả năng khác thường trong cuộc sống và công việc, mà không tính đến trường hợp của những nhà thấu thị phương Đông. Tất nhiên, những người như vậy thì nhiều vô kể nhưng vì họ sống trong một nền văn hoá luôn chấp nhận sự hiện diện của những lực vô hình và những nhận thức từ chiều đo cao hơn nên ít có nỗ lực để hệ thống hoá được thực hiện để liên kết những quan niệm này với bằng chứng trong thực tế.

Ở phương Đông, các năng lực phi thường được cho là điều đương nhiên cùng xảy ra hay là kết quả phụ của việc đào tạo thực hành yoga, và do vậy, trọng tâm luôn đặt ở việc phát triển bản thân hơn là việc cố gắng có được những quyền năng như vậy. Các nhà yogi có khả năng ngưng các chức trọng yếu trong nhiều ngày hay nhiều tuần, sống gần như không cần thức ăn, duy trì được nhiệt độ cơ thể khi ngồi trong bão tuyết, nâng bổng hay rời khỏi cơ thể vật lý của mình khi muốn. Họ làm những điều này mà không gây chú ý hay kích thích sự quan tâm của bất kì ai vào việc tư liệu hoá những thực hành này.

Tuy nhiên ở phương Tây, những khả năng khác thường có truyền thống bị nghi ngờ, trường hợp tồi tệ nhất là bị gán với phù thủy và ma quỷ, hay trong trường hợp khá nhất thì gắn với bệnh ảo giác hay tự huyền hoặc. Riêng các vị Thánh và các nhà thấu thị là ngoại lệ, bởi những kinh nghiệm có tầm nhìn của họ được thánh hoá bởi một cơ cấu dựa trên tôn giáo. Với sự nổi lên của phong trào Khai sáng ở thế kỷ 18 và khoa học duy vật ở thế kỷ 19, quan điểm phương Tây vẫn có ít chỗ cho bất cứ điều gì không thể giải thích được bằng thuật ngữ của hiện thực vật lý.

Tuy vậy, giai đoạn cuối thế kỷ 19 đã chứng kiến sự kết thúc của kỷ nguyên chủ nghĩa duy vật kiểu cũ. Việc phát hiện ra tia X và phóng xạ xảy ra không lâu sau khi một lần sóng quan tâm đến hiện tượng tâm linh, đồng cốt và giao tiếp sau khi chết quét qua nước Anh và Mỹ. Nhập đồng, đồ vật hiện hình, phân thân, chụp ảnh hồn ma, sự tồn tại của thể cảm dục sau khi chết và những hiện tượng tương tự đều là mục tiêu cho những nghiên cứu kỹ càng bởi những người có uy tín và năng lực đánh giá một cách phân biệt. Những cái tên nổi tiếng như Sir Willian Crookes và Arthur Conan Doyle, cùng với Hội nghiên cứu tâm linh nước Anh có liên quan đến nhiều nghiên cứu sâu sắc tiến

hành trên các khía cạnh khác nhau của hiện tượng tâm linh. Một số trong số những người tiên phong trong lĩnh vực chưa ai khám phá này là mối quan tâm lớn đối với những người như chúng tôi, những người đang cố gắng đưa nghiên cứu tại thời điểm hiện tại vào một hoàn cảnh lịch sử để thấy rằng điều này không hiện lên như một hiện tượng chưa được lặp lại.

Chúng tôi sẽ bắt đầu danh sách tóm lược và được coi là chưa đầy đủ này với bác sĩ trị liệu, Philippus Theophrastus Bombast của Hohenheim, được biết đến nhiều hơn với cái tên **Paracelsus**, đã sống và thực hành vào đầu thế kỷ 16. Ông được cho là đã tới Ấn Độ, nơi ông học các nguyên lý thần bí. Ông chắc chắn là tác giả thời kì hậu Phục Sinh đầu tiên miêu tả về cấu tạo bảy lớp của con người, về các tinh linh mặt đất và về bản chất của các thể cao hơn. Ông chính là người đã tạo ra thuật ngữ “cảm dục” (astral), có nghĩa lấp lánh như sao, mặc dù ông dùng nó để nói về cái chúng ta hiện thời nói về là trường năng lượng thể sinh lực hay dĩ thái. Những bài viết của ông cho thấy rõ ông có thể nhìn thấy trường dĩ thái và ông đã vận dụng những nhận thức của mình vào y học và chữa trị. Những phương pháp thực hành này đã mang tới cho ông cả danh tiếng lẫn lời lăng nhục, và ông được cho là đã chết vì nhiễm độc như một kết quả cho những ý tưởng không chính thống của mình.

Emanuel Swedenborg, được nhớ đến nhiều nhất nhờ một nhà thờ đặt theo tên ông, là một nhà khoa học uyên bác và tài năng, được ghi nhận như một nhà nghiên cứu sinh vật cổ, nhà vật lý và nhà sinh lý học, người đã nghiên cứu chức năng của não bộ và các tuyến nội tiết. Vào giữa cuộc đời, ông từ bỏ nghiên cứu vật lý để nghiên cứu về tâm linh, bởi ông đã kiểm nghiệm rằng ông thường được hướng dẫn bằng những giấc mơ, trải nghiệm nhiều hình ảnh và nghe thấy nhiều cuộc nói chuyện bí ẩn—điều này cho thấy năng lực bẩm sinh của ông bao gồm cả nhãn thông và nhĩ thông. Sau một trải nghiệm tâm linh khác thường, ông công hiến đời mình cho thần học và nghiên cứu các kinh thánh Thiên chúa giáo, trong đó ông giải thích dựa trên ánh sáng từ sự thấu hiểu của mình.

Hiện tượng tâm linh đáng chú ý nhất thời gian gần đây không nghi ngờ gì cả chính là **Helena Petrovna Blavatsky**, người sáng lập phong trào Thông Thiên Học hiện đại. Từ khi ra đời bà đã là nơi hội tụ của những sự kiện khác thường và hiện tượng bí ẩn. Mặc dù không phải một dạng đồng cốt thông thường (bởi thực ra bà lên án hoạt động đồng cốt khi nó được thực hành ở thời của bà), bà có khả năng hoạt động như một kênh tâm thức và công cụ truyền tải giáo huấn của các vị Chân Sư của bà, những người mà bà phụng sự như một người biên chép các bài viết trong nhiều tác phẩm đáng chú ý, trong đó có **Giáo Lý Bí Nhiệm**, cuốn sách đã trở thành tác phẩm tham khảo gốc cho tất cả những giảng dạy về huyền môn và minh triết sau đó. Những năng lực đáng chú ý của bà đã được kiểm chứng bởi rất nhiều người, họ đã thấy bà làm đồ vật hiện ra, giao tiếp với người vô hình, điều khiển các tinh linh, và miêu tả những chiều đo khác của sự tồn tại trong khi bà hoàn toàn tỉnh thức.

Trong các tác phẩm nhiều tập của mình, bà thường nhấn mạnh sự thật rằng không có gì “siêu nhiên” trong vũ trụ này, và rằng khả năng khác thường là sự đáp ứng với quy luật của tự nhiên và các lực chưa được khoa học tìm thấy. Bà tiên đoán vào những năm 1880 rằng chủ nghĩa duy vật đang thịnh hành sẽ tiêu tan trước khi kết thúc thế kỷ này, và từ đó sẽ có một cách hiểu mới về bản

chất của vật chất. Rất nhiều lời khẳng định của bà hoàn toàn không thể chấp nhận được với giới khoa học thời bấy giờ hiện nay đã trở thành một phần trong bức tranh thế giới đương đại. Những đề xuất có tính tiên tri của bà bao gồm khái niệm về mỗi tế bào trong cơ thể đều chứa đựng bản thiết kế về hình tướng và sự sống luôn phối thai trong mọi dạng vật chất, sẽ tự động hiện lên khi có các điều kiện thích hợp.

Đóng góp quan trọng nhất của bà Blavatsky cho một thế giới quan mới là khoa siêu hình học toàn diện trong đó nó có thể vượt lên sự phân chia giữa tâm thức và năng lượng mà trong một thời gian dài đã gây tổn hại cho phương Tây, bằng việc chỉ ra rằng chúng là những khía cạnh bổ sung cho nhau của một thực tại bên dưới. Giả thuyết này cung cấp cơ sở mà trong đó những khía cạnh tế vi và phức tạp hơn của giới tự nhiên và con người có thể được kết hợp lại, khiến niềm hi vọng của chúng ta về một thế giới quan toàn diện dễ được nhận ra hơn.

Khoa siêu hình học này, cùng với khoa vật lý mới cung cấp nền tảng cho việc miêu tả các chiều đo cao hơn của tâm thức con người như một trong các trường năng lượng vũ trụ, sự phát triển của lý thuyết này chúng tôi mang ơn F.L Kunz, người sáng lập Trung tâm Đào tạo tích hợp và tạp chí sáng tạo: **Những dòng tư tưởng hiện đại chính**. Kết quả là, dù lĩnh vực nghiên cứu này rất hiếm khi được đề cập nhưng hiện nay nó đã trở nên khả thi trong việc hệ thống hoá và lý giải hiện tượng mà trước đây rất khó hoà hợp được với những phát hiện của y học và khoa học. Dù những đóng góp của Blavatsky có được công nhận một cách rộng rãi hay không thì tất cả những phát triển theo sau đó trong lĩnh vực kỳ bí có thể được xem là bắt nguồn từ tác phẩm có tính đột phá của bà.

Một người phụ nữ đáng chú ý nữa, người đã bị thu hút vào phong trào Thông Thiên Học vì quan tâm tới các tác phẩm của Blavatsky, là Tiên sĩ Annie Besant. Bà là một nhà cải cách xã hội, người đã làm việc đầy nhiệt huyết với Charles Bradlaugh tại hội Fabian Society vì con người. Bà trở thành Hội trưởng Hội thông thiên học (The Theosophical Society) và chuyển tới Ấn Độ, nơi bà đã mở ra nhiều viện giáo dục, sáng lập tờ báo nổi tiếng New India, và bị người Anh giam cầm vì những nỗ lực của bà trong việc tranh đấu cho một Ấn Độ độc lập. Bà khai mở khả năng thông nhãn trong những năm cuối của tuổi bốn mươi, và đã kết hợp với ông C.W. Leadbeater để viết một số cuốn sách dựa trên những quan sát của mình, trong đó đáng chú ý là **Hoá học huyền bí, Hình tư tưởng và Con người và các thể**. Sau này, khi bà trở nên mài miết với công tác dành cho quần chúng ở Ấn Độ, bà chủ động đóng khả năng tâm linh của mình và ngừng việc theo đuổi các nghiên cứu bằng nhãn thông.

Charles W. Leadbeater đã được nhắc tới như một nhà thông nhãn tài năng đáng chú ý, người đã viết hàng loạt về những quan sát của mình, đặc biệt quan tâm tới tình trạng sau khi chết. Những mô tả của ông về những chiều đo vi tế của con người—như trong **Luân Xa** (những hình minh hoạ của chúng tôi được lấy từ đó), cuốn sách đang giữ vị trí là một trong những cuốn được đọc nhiều nhất về chủ đề này, và ở **Con người hữu hình và vô hình**, trong đó miêu tả các đặc tính trong hào quang của con người—là những tác phẩm cổ điển trong lĩnh vực nghiên cứu các hiện tượng kỳ bí. Cuốn sách **Hình Tư Tưởng** trong đó cho rằng thể trí có khả năng tạo ra những hình thể xác thực có thể nhận biết được với những người nhạy cảm đã có ảnh hưởng lớn đến nhiều nghệ sĩ, như

Mondrian và Kandinsky.

Những nhà thông nhãn nổi tiếng khác bao gồm **Geoffrey Hodson**, người được biết đến nhiều nhất bởi những cuốn sách về giới thiên thần, như cuốn **Thế giới của các Thiên Thần**. Ông còn tiến hành một loạt các nghiên cứu y khoa, một số kết quả nghiên cứu đó được kết hợp viết vào sách **Một cách nhìn huyền bí về sức khỏe và bệnh tật**. Có lẽ vì ông không sinh ra đã có khả năng nhãn thông mà phát triển năng lực này trong thời gian trưởng thành của cuộc đời nên ông đã dành cho quá trình này một sự chú ý đáng kể, được thể hiện trong cuốn **Khoa học của sự thấu thị**.

Khả năng nhãn thông của Phoebe Payne Bendit về cơ bản là ở tầng dĩ thái và cùng với chồng mình, Laurance Bendit, một nhà trị liệu, bà đã viết một vài nghiên cứu về sức khỏe và bệnh tật dựa trên những quan sát của mình. Bà còn xuất bản một cuốn sách có tên **Những năng lực tiềm ẩn của con người**, trong đó bà mô tả những khác biệt bà quan sát được giữa thông nhãn hữu thức và hình thức đồng tử mê man.

Còn có nhiều nhân vật mà những đóng góp của họ chủ yếu về triết học và lý thuyết, nhưng trong đó nghiên cứu huyền bí học đóng một vai trò quan trọng. Trong số những người nổi bật nhất có Rudolf Steiner, người sáng lập Hội Nhân Thông học (**Anthroposophical Society**). Phong trào này có nhiều khái niệm chung với Thông Thiên Học nhưng có những sáng tạo và nhấn mạnh đặc biệt như việc ứng dụng siêu hình học vào toán học, giáo dục và nghệ thuật. Steiner, người có nhiều tài năng đáng chú ý, là một nhà khoa học đã sử dụng khả năng nhãn thông của mình để nghiên cứu thế giới tự nhiên và kết quả là ông đã phát triển các lý thuyết về sự phù hợp giữa các loài thực vật, điều này cho kết quả về khả năng trồng cây kết hợp nhằm phòng chống dịch bệnh. Những đề nghị của ông vẫn có tính thực tiễn trong nhiều dự án trồng trọt được tài trợ bởi Hội Nhân Thông học, trong khi những nguyên tắc giáo dục của ông là cơ sở cho sự thành công của trường phái giáo dục Steiner và Walgorf, cũng như công việc tốt đẹp của Hội với những người chậm phát triển.

Một huấn sư khác là bà Alice Bailey, người vẫn có ảnh hưởng trong lĩnh vực huyền bí học, người cũng được công nhận với khả năng viễn cảm của mình. Bà được biết đến nhiều nhất với công trình đồ sộ các tác phẩm trong đó bà tuyên bố rằng được nhận bằng viễn cảm từ Chân Sư Tây Tạng được biết với tên Djual Khul. Những cuốn sách này bắt nguồn từ công trình của H.P. Blavatsky, nhưng khác với chúng ở nhiều chi tiết; như chính tác giả cuốn sách khẳng định, chúng cần được đánh giá dựa trên chất lượng hơn là nguồn gốc của cảm hứng.

Một khả năng khác thường thuộc loại có phần khác biệt là khả năng mà Nikola Tesla đã biểu lộ. Nổi bật trong việc phát triển các công cụ điện, ông ghi lại rằng ông đã có một viễn ảnh về cách mà điện năng có thể thu được từ thác nước, và điều này đã thành hiện thực hai mươi năm sau đó, vào năm 1896, với một máy phát điện tại thác Niagara. Ông còn được cho là có thể gây ra động đất bằng ý chí, cũng như tạo ra tia chớp dài bốn mươi mét; ông từng tạo ra ánh sáng cho các bóng điện cách đó hai mươi lăm dặm mà không cần dây dẫn. **Bách khoa toàn thư Mỹ** miêu tả ông như sau: “Ông có cách cảm nhận bằng trực giác những bí mật của khoa học, và vận dụng năng lực phát minh của mình để chứng minh cho những giả thuyết của ông.”

Quay sang những nhà khoa học đã khám phá lĩnh vực bí ẩn theo nhiều cách khác nhau, chúng tôi chú ý đến nghiên cứu của **Baron Karl von Reichenbach**, một nhà hoá học, người phát hiện ra paraffin, creosote và pitacol, cũng là một chuyên gia về thiên thạch và một nhà tư bản công nghiệp mà đế chế của ông trải dài từ vùng Danube tới vùng đất sông Rhine. Năm 1845 ông xuất bản bảy bài viết gây tranh cãi với tiêu đề “Những nghiên cứu về Từ lực, Điện lực, Nhiệt và Ánh sáng và mối liên hệ của chúng với Năng lượng sống.” trong đó ông kiểm nghiệm để chứng minh cho cái ông gọi là “ánh sáng Odic”. Ông thực hiện những quan sát tỉ mỉ và cẩn thận các đối tượng có thể nhận biết loại ánh sáng này, loại tương tự như trường năng lượng sinh khí nhưng công trình này của ông bị cộng đồng khoa học Châu Âu bác bỏ, mặc dù được chấp nhận và biên dịch sang tiếng Anh bởi William Gregory, M.D.

Sir William Crookes (1832-1919), nhà vật lý và hoá học người Anh, đã khám phá ra thallium, chế tạo ra thiết bị đo bức xạ và từ những nghiên cứu của mình phát triển nên lý thuyết “vật chất phát xạ”, hay vật chất ở “trạng thái thứ tư”. Những nghiên cứu của ông về bản chất của các loại đất hiếm, đặc biệt là Yttri, đã đưa ông tới lý thuyết rằng tất cả các nguyên tố sản sinh qua quá trình tiến hoá đều từ một chất liệu nguyên thủy. Ông là một học viên say mê của hiện tượng tâm linh, như ông đã thể hiện trong cuốn *Những nghiên cứu về Hiện tượng Tâm linh*, nhằm tìm ra mối liên hệ giữa các quy luật vật lý thông thường và bất thường.

Những nhân vật khác cần được nhắc tới vì những đóng góp cho phương pháp tiếp cận khoa học của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm linh là Walter J. Kilner, Alexis Carrel, M.D., Professor T. Fukurai của Đại học Hoàng gia Tokyo (ông đã mất vị trí này vì sự quan tâm của mình trong lĩnh vực tâm linh), Joseph Banks Rhine, những nghiên cứu của ông về viễn cảm và nhãn thông được dựa trên đánh giá thống kê, Oscar Bagnall, một nhà sinh vật học ở Đại học Cambridge, người đã nghiên cứu hào quang con người, và ông Sir George Hubert Wilkins, một nhà thám hiểm đã tiến hành công việc thí nghiệm bằng viễn cảm. Đặc biệt cần nhắc đến Edgar Cayce với những thành tựu y học nổi bật vẫn đang là chủ đề của các cuộc nghiên cứu và khảo sát.

Nhiều nhà nghiên cứu đã có những nỗ lực nghiêm túc nhằm chứng thực hiện tượng tâm linh qua nhiều hình thức kiểm nghiệm. Evelyn M. Penrose là một nhà ngoại cảm từng làm việc cho chính phủ Úc và Canada để tìm kiếm nguồn nước cũng như khu vực khảo cổ và có khoáng vật. Andrija Puharich, M.D., và Dr. Charles Osis thuộc Hội Nghiên cứu tâm linh đã tư liệu hoá số lượng lớn thông tin về năng lực khác thường của nhiều nhà ngoại cảm. Chính phủ Mỹ cũng như Soviet đã lặng lẽ theo đuổi các khả năng nghiên cứu năng lực chưa được khai phá của tâm trí như làm lệch hướng tia laser, biến đổi năng lượng từ trường, nhìn từ xa và di chuyển đồ vật. Sheila Ostrander và Lynn Schroeder đã tư liệu hoá nỗ lực của Nga trong lĩnh vực này trong cuốn sách *Những khám phá tâm linh sau tấm rèm sắt* (1970), trong khi Russell Targ và Harold Puthoff tường trình nghiên cứu của Mỹ trong *Vươn tới tâm trí* (1977), và gần đây hơn Targ hợp tác với Keith Harary trong cuốn *Chứng tộc Tâm trí* (1984).

Trong những năm gần đây, nhiều người sở hữu các hình thức khác nhau của tri giác cao hơn đã cộng tác với các nhà nghiên cứu trên một số lĩnh vực. Stephan A. Schwartz miêu tả trong cuốn

sách của mình, *Dự án Alexandria*, cách những nhà ngoại cảm với khả năng “nhìn từ xa”, hay thấy từ một khoảng cách xa góp phần vào thành công của dự án khảo cổ của mình, những ấn tượng họ nhận được sau này được khẳng định bằng công tác trên hiện trường. Những người khác thì sử dụng khả năng như vậy để tìm kho báu dưới nước trong các con tàu đắm. Trên một lĩnh vực khác, John Taylor, một nhà vật lý và toán học ở trường cao đẳng King College, London đã mô tả trong *Những tâm trí siêu việt* (1975) cách kim loại bị vỡ bằng thông linh khác với cấu trúc mảnh kim loại vỡ về mặt vật lý. Trong lĩnh vực sức khoẻ và chữa bệnh, bác sĩ Bernard Grad của trường đại học McGill ở Montreal, Canada đã nghiên cứu những tác động có lợi của năng lượng chữa lành trên cả cây cỏ và loài chuột trong phòng thí nghiệm. Ông mô tả những ảnh hưởng đạt được qua một người chữa lành nổi tiếng, Đại tá Oskar Estabany, trong việc tăng tốc độ lành lại ở vết thương của chuột cũng như việc ươm mầm các hạt giống bị hỏng. Những lần thí nghiệm này được thực hiện dưới điều kiện có kiểm soát. Tiến sĩ Grad cũng nhận thấy rằng hoa sẽ bị héo nhanh hơn khi tiếp xúc với các bệnh nhân trầm cảm hơn là khi chỉ có sự hiện diện của người bình thường.

Tiếp tục nghiên cứu này, Sơ Justa Smith đã triển khai một dự án với mục tiêu so sánh hoạt động của enzyme trypsin khi được chữa trị bởi phương pháp đặt-tay-bên trên của Đại tá Estabany với việc chịu tác động của từ trường. Đại tá được yêu cầu đặt hai tay xung quanh một bình thủy tinh được nắp chặt có chứa dung dịch enzyme trong khoảng thời gian lâu nhất là bảy mươi lăm phút. Kết quả được xuất bản bởi Sơ Justa trong bài báo có tiêu đề “Những hiệu ứng khác thường trên hoạt động của enzyme” trong đó kết luận rằng “bằng chứng được trình bày đã chỉ ra rằng sự tiếp xúc của dung dịch trypsin với năng lượng chữa lành từ việc đặt tay-lên-trên như được thực hiện bởi Đại tá Estabany tương tự về mặt định tính và định lượng với khi nó phản ứng với từ trường. Điều này đơn giản nói lên rằng công việc chữa lành có thể đạt được kết quả nhờ năng lượng từ trường.”. Như vậy nghiên cứu đã cho thấy rằng những thay đổi trong năng lượng sinh học có thể xảy ra khi tiếp xúc với bàn tay của một số nhà chữa lành, mặc dù không phải nhà chữa trị nào cũng có thể làm được y hệt những kết quả đạt được của Đại tá Estabany (Chương XVI).

Để kết thúc phần tổng quan vắn tắt này, chúng ta nên nói đến tầm quan trọng của sự thay đổi thái độ đang dần hình thành trong giới khoa học và ngày càng nồng hậu hơn với các nghiên cứu về siêu giác quan. Sự phát triển cách mạng nhất là việc công nhận rằng tâm thức đóng một vai trò trọng yếu và chủ chốt trong sự hiện hữu vật lý. Vì nhiều nhà khoa học chưa sẵn sàng công nhận vai trò này, chúng tôi muốn đưa ra một vài quan điểm ủng hộ. Giáo sư George Wald, người được giải Nobel vật lý đã nói trong một bài phát biểu năm 1985: “Không bao giờ có thể nhận ra sự có mặt hay vắng mặt của tâm thức về mặt vật lý... [đó là] một đặc tính nổi bật và bất biến, một khía cạnh bổ sung cho mọi thực tại.”. Nói về câu hỏi nổi tiếng của Descartes trong mối liên hệ với bản chất nhị nguyên căn bản của tâm trí và vật chất, Eric Jantsch viết trong cuốn *Vũ trụ tự tổ chức*: “Tâm trí có ở khắp nơi... trong các quá trình mà hệ thống [sinh sống] tổ chức và làm mới chính nó và tiến hoá” (p.162). Trên cùng mạch ý tưởng này, nhà vật lý lượng tử Erwin Schroedinger đã viết trong *Sự sống là gì?* “Tâm thức có liên quan đến sự học hỏi của các vật chất sống” (p.103). Trong cuốn sách *Không gian Einsteins và bầu trời Van gogh*, Larry Le Shan và Henry Margenau trích A.S. Eddington, một nhà vật lý, người đã viết vào năm 1926 rằng “sự phân hoá của ngoại

giới vào thế giới vật chất và thế giới tinh thần là giả tạm” (p 236). Bàn về đặc điểm của lĩnh vực tâm thức, họ kết luận rằng “những gì quan sát được sẽ khác biệt về độ sắc nét và có thể phân biệt được với những gì thuộc về địa hạt cảm giác. Không có một “vật thể” nào trong địa hạt này, chỉ có các “quá trình”. “Hơn nữa, những gì có thể quan sát được có “đường vào giới hạn”- tức là, chúng chỉ có thể được quan sát bởi một người- ngược lại với ‘đường vào công cộng’ của những thứ quan sát được ở những cảnh giới khác.”. Những kết luận này chắc chắn đã dựa trên những tài liệu trong nghiên cứu của chúng tôi.

Cuối cùng, chúng tôi thêm vào phần trích dẫn sau đây từ cuốn sách của nhà vật lý David Bohm *Cái toàn thể và một Trật tự ẩn tàng*, để cho thấy lý luận đương thời tốt nhất dành cho nghiên cứu của chúng tôi:

Phần dung lượng hiển hiện mà có thể dễ dàng thâm nhập vào của tâm thức nằm trong một hậu cảnh ẩn dấu (hay ẩn đi) lớn hơn rất nhiều. Hậu cảnh này đến lượt nó được xác minh là nằm trong một bối cảnh lớn hơn nữa mà có thể bao gồm không chỉ các quá trình thần kinh-sinh lý ở những cấp độ nằm ngoài tầm nhận thức nói chung của chúng ta nhưng còn một bối cảnh đằng sau lớn hơn nhiều nữa của những chiều sâu chưa được biết đến (và thực sự cuối cùng vẫn không thể nào biết được) về sự sâu thẳm bên trong mà có thể tương tự như một “biển” năng lượng lấp đầy không gian “trống rỗng” có nhận thức được bằng giác quan.(p.210).

Các nghiên cứu của chúng tôi tất nhiên ủng hộ quan điểm này. Sự thật rằng các tiến trình sinh lý thần kinh được đồng hành (hay thường là đến trước) bởi những thay đổi trong nội dung của tâm thức là một kết luận quan trọng xuất phát từ nghiên cứu này; Nổi bật hơn, có lẽ là việc “biển năng lượng” không những lấp đầy khoảng không “trống rỗng” mà còn được tập trung lại và xử lý bởi các cơ quan hoạt động của tâm thức gọi là luân xa.

Ý tưởng rằng tâm thức và vật chất là hai phần đi đôi không thể tách rời của sự hiện hữu là một khái niệm huyền môn hay minh triết thiêng liêng, nó đã giúp cung cấp hoàn cảnh và một quy tắc giải thích cho các hiện tượng kỳ bí. Nghiên cứu này cho ra ở đây một vai trò kép: nó kiểm tra tính hợp lý của việc nhận thức bằng giác quan bổ sung; nhưng quan trọng hơn cả, nó tiết lộ một số chiều đo của tâm thức và sự tương tác giữa các chiều đo này và những chiều đo của thực tại vật lý.

IX. Việc sử dụng thông nhãn trong nghiên cứu

Ở chương II, chúng tôi đã gợi ý rằng việc nhận thức bằng giác quan cao hơn có thể cung cấp một bức tranh hoàn thiện hơn về cách con người thực hiện các chức năng hiện có cho tới nay, và những nhận thức đó cũng có thể được kết hợp với một bộ phận tri thức đã được chấp nhận chỉ khi nào chúng vượt qua bài kiểm tra với những bằng chứng từ thực tế. Trong công việc của chúng tôi, có những nỗ lực nhất quán nhằm kiểm tra nghiên cứu với những ghi chép y khoa hiện có, nhưng rõ ràng là sự kiểm soát này không thể được hoàn hảo. Tuy nhiên, do những quy trình khám phá như

vậy là cần thiết để khai mở một lĩnh vực mới, chúng tôi muốn chia sẻ với bạn đọc một vài chi tiết trong phương pháp chúng tôi cùng làm việc và những vấn đề chúng tôi gặp phải.

Trong suốt hai năm đầu của cuộc nghiên cứu, những người giả định là mạnh khỏe được quan sát nhằm có được một ý tưởng chung về cái mà DVK nhận thấy. Khi số lượng các quan sát tăng lên, nhiều yếu tố can dự vào khi có sự xuất hiện của bệnh tật trở nên rõ ràng. Điều này giúp kiến thức của chúng tôi về các đặc điểm của luân xa và của các trường năng lượng mà chúng thu lại tăng lên.

Trước khi có sự cộng tác giữa chúng tôi, DVK đã thấy các bệnh nhân chủ yếu theo yêu cầu của các bác sĩ y khoa khi bà được hỏi về sự đánh giá của bà. Lúc đầu, trọng tâm là quan sát thể cảm dục của bệnh nhân để khám phá ra nguyên nhân của các vấn đề về cảm xúc vốn là một yếu tố trong bệnh tật của họ. Tuy nhiên, trong khi cùng làm việc với nhau, bà đã được yêu cầu tập trung tầm nhìn thông nhãn chủ yếu ở tầng dĩ thái, để quan sát cấu trúc và chức năng của tuyến nội tiết và các luân xa kiểm soát chúng. Sự chính xác trong hình ảnh dĩ thái của bà được xác định bằng sự tương quan giữa những quan sát cả bà với lịch sử ca bệnh của các bệnh nhân.

DVK không thực hiện một chuẩn đoán chính thức nào như thế, bởi bà không có kiến thức về y học hay được làm quen với những thuật ngữ phù hợp để mô tả những gì bà nhìn thấy. Tuy nhiên những quan sát của bà trong những bất thường ở thể dĩ thái của các luân xa và các tuyến nội tiết tương ứng đã không để lại một nghi ngờ nào về tính chính xác của chúng. Sau một thời gian, bà được tiếp xúc với nhiều trường hợp y học hiếm gặp, như trường hợp tuyến yên đã được phẫu thuật cắt bỏ nhằm mục đích chữa trị ở những bệnh nhân bị ung thư vú hay tuyến giáp (một phương pháp chữa trị thịnh hành thời bấy giờ). Hầu hết các trường hợp được ghi lại về mặt y khoa đều được lấy từ bệnh viện nội tiết ngoại trú của một trường y có tiếng ở New York; các dữ liệu khác được lấy ở California.

DVK được yêu cầu quan sát các luân xa và các tuyến nội tiết liên quan của chúng, bất kể là chúng có vẻ bình thường hay bất thường. Một biểu đồ được phát triển để ghi lại những kết quả của bà, và quy trình này được thực hiện một cách thống nhất.

DVK chưa bao giờ nói chuyện với bất kỳ bệnh nhân nào. Vị trí ở đằng sau của phòng khám ngoại trú, khoảng hai mươi feet (5m) cách chủ thể, thường ngăn bà nhìn thấy ngay cả khuôn mặt họ. Trong mỗi phiên làm việc buổi sáng, hai hay ba bệnh nhân được lựa chọn ngẫu nhiên để bà đánh giá. Bà được yêu cầu quan sát hai hay ba trung tâm lực dĩ thái và các tuyến nội tiết tương ứng, và cả việc đánh giá trường năng lượng dĩ thái chung của bệnh nhân. Việc này thường mất khoảng hai đến ba giờ để đánh giá một bệnh nhân, nếu tất cả các luân xa được nghiên cứu.

Quy trình diễn ra như sau: DVK điền vào bảng các quan sát của bà về bệnh nhân, trong khi nhiệm vụ của SK là tìm ra những bảng có thông tin y khoa của bệnh nhân đang được nghiên cứu và trích lục những dữ kiện phù hợp. Vài giờ sau đó chúng tôi sẽ so sánh hai phần ghi chú và tìm mối liên hệ giữa các thông tin.

Làm việc ở bệnh viện ngoại trú không phải là một nhiệm vụ dễ dàng đối với DVK, vì sự nhạy cảm của bà với những người đầy sự lo lắng và chịu đựng đau đớn, nhưng chúng tôi không có lựa chọn nào khác nếu muốn có được những tài liệu chúng tôi cần. Tuy nhiên, công việc sẽ dễ dàng hơn nhiều khi chúng tôi nhìn riêng các trường hợp ngoài môi trường bệnh viện. Cũng cần nói rằng trong tiến trình nghiên cứu, chúng tôi chưa bao giờ thu phí với bất cứ ai, dù xem xét họ ở bệnh viện hay chỗ riêng tư. Nghiên cứu này được tài trợ từ các quỹ và những người bạn, bởi khi làm việc trong một lĩnh vực mới mẻ và không chính thống, điều tối quan trọng là duy trì được sự tự do khỏi sự kiểm soát bên ngoài cũng như ban đầu trong việc từ chối thu lợi về tài chính của một nghiên cứu.

Những cơ chế của nhận thức bằng nhãn thông

Có khá nhiều người có thể nhìn thấy các đường nét chung của thể dĩ thái vươn ra khoảng 5 cm ngoài thể vật lý, nhưng có rất ít người có khả năng nhận thấy các chi tiết của trường năng lượng thể dĩ thái và các trung tâm lực của nó.

Một số nhà ngoại cảm vận dụng các kỹ thuật khác nhau để tập trung nhận thức của họ. Ví dụ như Frances Farrelly, người có một loạt các khả năng thông linh, sử dụng một cơ chế mà bà gọi là “keo dính”. (Xem Chương XVI để có được cái nhìn sâu sắc hơn về những thành tựu của nhà ngoại cảm này). Khi bà chà ngón tay mình vào một mảnh gỗ hay nhựa trong khi vẫn tập trung vào câu hỏi bà đang tìm câu trả lời, bà nhận được một cảm giác bám dính nếu câu trả lời được khẳng định, nhưng sẽ không có gì thay đổi nếu nó chưa được chắc chắn. Bà đã dùng phương pháp như vậy khi dò tìm mạch trên bản đồ để xác định nước hay khoáng chất. Bởi vì câu trả lời chỉ có thể là có hoặc không, bà phải rất chính xác trong các câu hỏi trong đầu mình.

Cảm giác “bám dính” này được nâng lên tầm một “ngôn ngữ khoa học” được biết tới như là Phản ứng Kích Thích Số (DER) ở Viện nghiên cứu Stanford, một trung tâm nghiên cứu của Mỹ. Nó cho thấy rằng không có một công cụ được gọi là máy cảm xạ radionic nào sử dụng nguyên tắc “bám dính” như một phần trong cơ chế của chúng hoạt động nếu người điều khiển không có khả năng ngoại cảm ở mức độ cần thiết, và điều này giải thích tại sao việc sử dụng những công cụ như vậy trong chuẩn đoán ở Mỹ là phi pháp. Mối quan tâm chính của chúng tôi là tìm ra cơ chế tạo ra sự bám dính này. Được yêu cầu xem hiện tượng này, DVK đã thấy rằng có một sự tăng lên trong năng lượng dĩ thái ở các đầu ngón tay, nhưng những năng lượng này phát ra từ phân cảnh trí tuệ, vì nếu không có sự tập trung tư tưởng thì cảm giác bám dính này không xảy ra. Rõ ràng loại tri nhận ngoài giác quan này được kích hoạt bằng việc chà xát ngón tay trên một vật thể.

Những nhà thông nhãn như DVK, người có thể tri nhận các luân xa trong thể dĩ thái, tuy vậy lại sử dụng một cơ chế khá khác biệt. Ở họ, luân xa trán dĩ thái của họ cùng với luân xa đỉnh đầu tạo thành một cơ quan nhận biết năng lượng trí tuệ, cảm dục và dĩ thái. Thậm chí ngay cả trong số những người đã phát triển khả năng nhìn thấu thể dĩ thái, những khác biệt vẫn tồn tại trong mức độ rõ ràng, sắc nét và chi tiết trong hình ảnh của họ. Rất khó để tìm thấy một người có khả năng như DVK mà đồng thời sẵn lòng hợp tác cho việc nghiên cứu mất nhiều thời gian mà trong đó yêu

cầu sự chú tâm cẩn thận và tường thuật tỉ mỉ như vậy. Nhà nhãn thông phải tập trung và liên tục tái tập trung để thuật lại những gì quan sát được. Việc này rất căng thẳng và ba giờ đồng hồ là thời gian tối đa một công việc như vậy có thể được hoàn thành hiệu quả mà không gây mệt mỏi.

Cơ chế nhận thức bằng thông nhãn gây bối rối cho cả những người thâu thị cũng như những nhà nghiên cứu. Việc sử dụng năng lực của họ là tự động với những người sở hữu nó nhưng nếu không có ngoại lệ thì họ đều thấy khó khăn khi phân tích, giống như một người có khả năng thị giác bình thường sẽ thấy không thể miêu tả cơ chế hoạt động của hình ảnh. Tuy nhiên, sự quan sát tiếp tục của các nhà nhãn thông trong quá trình sử dụng năng lực của mình đã cho ra một số thông tin thú vị.

Cách DVK “mở” khả năng thông nhãn

Khi SK quan sát DVK “mở” khả năng nhãn thông của mình, một sự thay đổi đột ngột trong biểu cảm của đôi mắt trở nên đáng chú ý. Biểu cảm của khuôn mặt gợi ý một sự rút vào bên trong của tâm thức. Nghiên cứu sâu hơn về hiện tượng này dẫn đến một kết quả thần kinh học thú vị. Con người trong mắt của các nhà thông nhãn trở nên hơi giãn ra và cố định trong toàn thời gian họ sử dụng năng lực này. Nếu có tia sáng chiếu vào mắt họ, con người sẽ không co lại theo cách thông thường.². Nhưng khi nhà thông nhãn trở về tầm nhìn vật lý bình thường, đồng tử của họ ngay lập tức phản ứng với sự phản chiếu ánh sáng và co giãn một cách bình thường. Những nhà thâu thị không kiểm soát hiện tượng phản chiếu thần kinh và không ý thức về điều này. Trong thực tế, họ bất ngờ khi việc này được chỉ ra cho họ.

Tuy vậy, trong lúc tập trung vào năng lực nhãn thông, những nhà thâu thị giữ được tâm thức tỉnh táo hoàn toàn. Qua kiểm tra, họ có thể miêu tả chính xác qua nhiều lần vị trí da của họ được chạm nhẹ bằng bông khi họ đang trong trạng thái nhãn thông.

Như đã giải thích, ban đầu những người bình thường được nghiên cứu để thiết lập cơ sở cho các quan sát của DVK về các trường năng lượng và trung tâm lực của chúng. Về sau, các trường hợp y khoa đã được tư liệu hoá được khảo sát. Khi sự đa dạng của bệnh tật tăng lên thì rất nhiều loại trường năng lượng nữa được miêu tả và phương pháp nghiên cứu ngày càng trở nên thực tiễn và thuần thực.

Để đưa ra một số vấn đề chúng tôi đã gặp phải, và những khó khăn mà nhà nhãn thông gặp trong khi phân tích sự nhận thức của chính mình, chúng tôi trích vào đây một thảo luận giữa DVK và SK.

SK: Bà thấy các bộ phận bên trong cơ thể như thế nào?

DVK: Tôi nghĩ tôi thấy hai hình mẫu, trong đó một là hình mẫu năng lượng. Nhìn lướt qua thì tôi có thể nói liệu có sự không hoà hợp trong khuôn mẫu này không, và nó cho tôi thấy nơi mà sự rối loạn hiện diện. Sau đó tôi nhìn vào vị trí rối loạn theo nhiều cách. Ví dụ, tôi có thể nhìn vào chi tiết luân xa liên hệ với khu vực đó. Nhưng khi khác tôi có thể chỉ nhìn vào khu vực bị rối loạn.

Nếu tôi thấy một sự xáo trộn trong hình mẫu năng lượng thì tôi có thể, như đã từng, chuyển sự tập trung của mình và nhìn vào bản sao của các bộ phận vật lý trong thể dĩ thái. Bản sao này chính xác ra sao hay sự luận giải của tôi chính xác thế nào thì tôi không biết, nhưng tôi nghĩ tôi có thể phân biệt giữa những thứ tôi quen thuộc như máu và cơ bắp.

SK: Màu của máu có khác so với màu của nó ở thể dĩ thái không, cái mà bà thường thuật lại là có màu xanh xám là gì?

DVK: Cái đó là màu của tầng năng lượng dĩ thái. Nhưng khi tôi nhìn vào bộ phận như dạ dày theo cách mà tôi gọi là “lấy nét gần”, tôi thấy máu màu đỏ.

SK: Hãy lấy một mạch máu làm ví dụ. Bà thấy nó thế nào ở thể dĩ thái và có khác gì về mặt kiểu mẫu năng lượng không?

DVK: Kiểu mẫu năng lượng thì giống như các dòng điện nằm trong thể dĩ thái xanh xám, và nó cũng có một nhịp điệu. Nhưng một mạch máu thì trông như một cái cốc trong suốt hay ống nhựa, mà chất lỏng màu đỏ chảy qua đó.

SK: Nếu bà nhìn vào một mạch máu ở phía sau bàn tay tôi, trông nó như thế nào?

DVK: Nó trông như một con kênh chảy ngay dưới da, và có màu vàng nhạt trong suốt.

SK: Nếu bà nhìn vào tĩnh mạch của một người già, người có thể đã có những thay đổi trong mạch máu, thì sẽ khác chứ?

DVK: Mạch này thì không được chặt và chắc chắn lắm; nó có thể có bề rộng lớn hơn. Trương lực thì “đầm nước” hơn và có thể có các phân tử nhỏ trên dòng chảy, cũng như một vài điểm tắc nghẽn. Phân chất liệu trông hơi có “chất gồ”, tôi cho đó là cholesterol.

SK: Vật chất này có xoay tít không?

DVK: Không. Có cuộn xoáy ở tầng năng lượng nhưng tầng mà tôi đang nói đến là một bản sao của thể giới vật lý. Tập trung nhìn vào chi tiết thể dĩ thái khó hơn nhiều khi nhìn vào khía cạnh năng lượng bởi ở trường hợp sau bạn có thể có những đánh giá nhanh dựa trên bức tranh toàn cảnh, và những đánh giá này khá chính xác.

SK: Ở cấp độ dĩ thái nào máu đại diện cho, khi so sánh với cấp độ năng lượng nói chung?

DVK: Có lẽ là cấp thấp nhất của thể dĩ thái. Năng lượng thì ở một tầng cao hơn.

SK: Bà có thể mô tả một vết loét dạ dày trông thế nào không?

DVK: Ở phần mép dạ dày có máu. Chỗ loét tạo ra loại vật chất tác động đến cả chính dạ dày và phần máu chảy qua dạ dày. Đôi khi tôi có thể thấy nhiều máu rò rỉ vào một túi lớn của dạ dày, túi này về sau trông rất trầy xước ở xung quanh thành bao của nó.

Nguyên nhân các bệnh ung thư

SK: Bà nhìn nhận thế nào về **nguyên nhân gây nên khối u?**

DVK: **Các khối u là kết quả của cảm xúc căng thẳng nhưng chúng còn phụ thuộc nhiều vào tính khí của mỗi cá nhân.** Một người có thể căng thẳng cực độ nhưng không bị vấn đề gì về dạ dày cả; anh ta sẽ không bao giờ phát triển khối u. Lý thuyết của cá nhân tôi là một số người sinh ra với những khuynh hướng dĩ thái nhất định, ví dụ, như một điểm yếu ở từng thái dương. Những cá nhân này sẽ cảm nhận mọi thứ một cách mạnh mẽ, nhưng anh ta có thể cố gắng kìm nén những xúc cảm này và giữ được bình tĩnh. Kết quả là, anh ta gây ra áp lực trong hệ tiêu hoá và trở nên ngày càng căng thẳng; việc này khiến anh ta “thưa ra”, như cách nói thể dĩ thái, khiến anh ta không thể lấy thêm đủ năng lượng. Tôi đã từng thấy sự bắt đầu của một khối u khi nó còn trong giai đoạn phôi thai, và chứng kiến nó ngày một trở nên to hơn theo thời gian.

SK: Từ mô tả của bà, có vẻ là trước hết có một sự mất mát của sinh lực tại khu vực đó—có thể nói là một sự tấy trắng, như thể là nó bị mất sinh lực.

DVK: Đúng thế; sự căng thẳng bắt đầu trước.

SK: Một khối u đang lành lại trông thế nào?

DVK: **Màu sắc của máu trở lại bình thường và năng lượng tăng lên.**

SK: Bà có thể thực sự thấy khối u nằm đâu không?

DVK: Tôi có thể thấy trạng thái bị u nhọt mà chưa đến giai đoạn xuất huyết bên trong. Các mạch máu trông lỏng lẻo và chúng dẫn rộng ra ở khu vực khối u mới chớm.

Sau đoạn đối thoại trên, DVK được yêu cầu quan sát một số vật thể vô tri ở thể dĩ thái nhằm khám phá xem liệu cái chúng tôi gọi là vật không sự sống có sinh khí ở mức độ nào. Bà đã thực hiện vài lần quan sát pha lê và đã thấy chúng có một mức nhỏ năng lượng dĩ thái. Bà được đưa cho một miếng nhỏ nhựa thơm và yêu cầu so sánh nó với phal ê. Không biết được gì về thứ bà đang cầm trên tay, bà thuật lại như sau:

“Đây không phải là pha lê bởi nó không có đường và góc sắc cạnh của năng lượng xuyên qua nó. Nó dường như chắc chắn đang phát triển nhưng quá trình này giống như sự tái tạo của tế bào hơn là sự kết tinh của tinh thể. Sự phát triển này nằm ở trên bề mặt hơn là ở chính giữa; nó dường như lớn lên nhờ vào một thứ khác, và thu năng lượng từ nguồn đó. Về tổng thể, nó sống động hơn pha lê nhưng nó không sắc nét bằng. Khi tôi cầm miếng này trong tay, có nhiều phản ứng dĩ thái với nó hơn là với một viên pha lê, và sự tương tác này nổi bật khi ở trong lòng bàn tay hơn là trên ngón tay. Vật chất này cảm giác xộp hơn pha lê và khi phản ứng với hơi ấm từ tay tôi, nó dường như lấy nhiều năng lượng vào hơn là tuôn ra.”

Tiếp tục quan sát tinh thể pha lê, DVK được yêu cầu đánh giá một viên pha lê trắng hình trụ

gợi tới chúng tôi từ Tiến sĩ Puthoff ở Đại học Stanford. Viên pha lê này đã được nạp bởi một số loại năng lượng, và Tiến sĩ Harold Puthoff muốn biết liệu hình mẫu năng lượng của viên pha lê này có bị biến đổi không. Đánh giá của DVK là trường năng lượng dĩ thái đã bị can thiệp và kết quả là khuôn mẫu năng lượng thông thường đã bị gãy nứt, cho nên dòng chảy năng lượng bị phá vỡ và chảy theo một hướng khác. Nó chảy như thể có gì đó được thực hiện dưới sức ép. Đánh giá này được coi là chính xác.

Theo DVK, có một sự tương tác lớn hơn nhiều giữa tinh thể, đá quý và năng lượng con người hơn mức mà hầu hết mọi người nhận thức. Cấu trúc tinh thể bằng cách nào đó có thể nhận, tập trung và giữ năng lượng dĩ thái trong khoảng thời gian dài, nhưng theo cách có thể sử dụng được và con người có thể dùng như một vật tập trung để gửi ra năng lượng chữa lành.

Những quan sát như vậy chỉ ra rằng không chỉ có trường dĩ thái liên quan đến vật chất sống mà cả những thực thể tự nhiên cũng có sức sống hay “sự sống” ở mức độ nào đó. Nghiên cứu này không đưa chúng tôi đi xa hơn theo hướng này nhưng đã cho thấy sự thật trong lời tuyên bố của V.A. Firsoff rằng “Chúng ta đến đây rất gần với ranh giới giữa sự sống và không sự sống, nếu như có một ranh giới nào như vậy. Đó có thể không là gì hơn là vấn đề định nghĩa.”